

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ VIỆT HÀ

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHẠM THỊ VIỆT HÀ

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 8 34 03 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. TRẦN MẠNH DŨNG

HÀ NỘI – 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Phạm Thị Việt Hà

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu đề tài: “*Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL*”, tác giả đã gặp rất nhiều khó khăn xong do nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô giáo, của ban lãnh đạo, của các phòng ban trong công ty khảo sát, tác giả đã hoàn thành được đề tài theo đúng kế hoạch.

Trước tiên, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến thầy giáo PGS.TS Trần Mạnh Dũng đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Đồng thời, tác giả xin gửi lời cảm ơn tới các thầy cô khoa Kế toán và khoa Sau đại học của trường Đại học Lao Động – Xã Hội đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tác giả trong quá trình viết luận văn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL đã tạo điều kiện cho tác giả tìm hiểu, nghiên cứu tại Quý Công ty. Lời cảm ơn của tác giả xin được gửi đến các anh chị phòng kế toán đã giúp đỡ, hướng dẫn và cung cấp tài liệu nghiên cứu, trao đổi và giải đáp những vướng mắc trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Do thời gian nghiên cứu và trình độ hạn chế, đề tài không tránh khỏi sai sót, Tác giả mong muốn sẽ nhận được nhiều đóng góp quý báu từ các thầy cô và bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn nữa và có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn áp dụng.

Tác giả

Phạm Thị Việt Hà

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	I
LỜI CẢM ƠN	II
MỤC LỤC	III
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	VII
DANH MỤC BẢNG	VIII
DANH MỤC SƠ ĐỒ	VIII
LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan nghiên cứu	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Đóng góp mới của đề tài	5
7. Kết cấu của đề tài	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	7
1.1. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	7
1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu trong doanh nghiệp thương mại.....	7
1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí trong doanh nghiệp thương mại.....	11
1.1.3. Kết quả kinh doanh	16
1.1.4. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	19
1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại dưới góc độ kế toán tài chính.....	21

1.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phối.....	21
1.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo quy định của chế độ kế toán	26
1.2.2.1. Kế toán doanh thu trong doanh nghiệp thương mại.....	26
1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp dưới góc độ kế toán quản trị.....	32
1.3.1. Xây dựng và lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	32
1.3.2. Thu thập thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	36
1.3.3. Phân tích thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phục vụ cho việc ra quyết định	39
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL.....	42
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.....	42
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	42
2.1.2. Đặt điểm hoạt động kinh doanh	42
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	44
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	45
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính	46
2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu.....	46
2.2.2. Thực trạng kế toán chi phí	49
2.2.3. Thực trạng kế toán kết quả kinh doanh.....	54
2.2.3.1. Đặc điểm kết quả kinh doanh.....	54
2.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán quản trị	58

2.3.1. Xây dựng dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	58
2.3.2. Thu thập thông tin về việc ghi nhận, phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	59
2.3.3. Thực trạng kế toán quản trị về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	60
2.3.4. Phân tích các thông tin doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phục vụ yêu cầu quản trị	61
2.4. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty	61
2.4.1. Kết quả đạt được	61
2.4.2. Hạn chế.....	62
2.4.3. Nguyên nhân hạn chế	64
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL	67
3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL	67
3.1.1. Định hướng phát triển	67
3.1.2. Yêu cầu cơ bản của hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	69
3.2. Giải pháp hoàn thiện	71
3.2.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính	71
3.2.2. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị.....	74

3.3. Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp.....	79
3.2.1. Điều kiện về phía nhà nước và các cơ quan chức năng	79
3.3.2. Điều kiện đối với chính doanh nghiệp	79
KẾT LUẬN	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83
PHỤ LỤC	84

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
BH &CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
BH	Bán hàng
BCTC	Báo cáo tài chính
CP	Chi phí
DN	Doanh nghiệp
DNTM	Doanh nghiệp thương mại
DT	Doanh thu
GVHB	Giá vốn hàng bán
HĐTC	Hoạt động tài chính
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế
PNK	Phiếu nhập kho
PXK	Phiếu xuất kho
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
KQKD	Kết quả kinh doanh
KTQT	Kế toán quản trị
KTTC	Kế toán tài chính
NSNN	Ngân sách nhà nước
PP	Phương pháp
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2. 1: Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính của Công ty.....	43
Bảng 2. 2: Xác định doanh thu thuần về BH&CCDV của Công ty	55
Bảng 2. 3: Xác định lợi nhuận gộp về BH&CCDV của Công ty	56
Bảng 2. 4: Xác định lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính của Công ty.....	56

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2. 1: Quy trình kinh doanh của Công ty.....	43
Sơ đồ 2. 2: Mô hình tổ chức quản lý của Công ty	44
Sơ đồ 3. 1: Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình quản trị kết hợp	75

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Trong những năm gần đây, nền kinh tế của đất nước có sự chuyển biến quan trọng đặc biệt đặt trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Do đó, các doanh nghiệp luôn cạnh tranh tạo niềm tin với khách hàng bằng những sản phẩm và dịch vụ chất lượng mà doanh nghiệp đang kinh doanh. Đây thực sự là bài toán khó bởi nó quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Có tiêu thụ được sản phẩm thì mới bù đắp được các khoản chi phí bỏ ra và thu được lợi nhuận thực hiện tái hoạt động.

Để làm được điều này, vấn đề doanh nghiệp cần quan tâm chính là sự đa dạng, phong phú về chủng loại sản phẩm, luôn quan tâm và cập nhật nhu cầu của người mua hàng – điều này tạo nên sự hấp dẫn đối với khách hàng. Điều kiện này đã tạo nên nhiều phương thức tiêu thụ cũng như các hình thức thanh toán linh hoạt đem lại lợi ích, sự thoải mái cao nhất đối với khách hàng. Tuy nhiên, thách thức đối với mỗi doanh nghiệp là thị trường luôn biến động với các rủi ro tiềm ẩn, sức mua và thói quen tiêu dùng của người sử dụng. Do vậy, các nhà quản trị doanh nghiệp phải đưa ra các quyết định sáng suốt, ứng phó mọi tình huống kịp thời có thể xảy ra. Để khắc phục những tồn tại trên, yêu cầu kế toán với vai trò và công cụ quản lý kinh tế phải không ngừng hoàn thiện, đặc biệt là với kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Đây là khâu quan trọng của quá trình kinh doanh, giúp đưa ra những thông tin nhanh chóng, kịp thời, giúp nhà quản trị nắm bắt chính xác, đầy đủ tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó, việc hạch toán lợi nhuận được thực hiện nhanh, đủ và kịp thời cùng với sự phân phối thu nhập công bằng đối với người lao động và đưa ra những chiến lược phù hợp với tiêu thụ sản phẩm nâng cao năng suất, đáp ứng kịp thời về nhu cầu cũng như chất lượng sản phẩm hàng hóa mà doanh nghiệp, xã hội đề ra.

Với xu hướng thị trường trên, các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực thương mại, dịch vụ nói chung và *Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL* nói riêng càng phải cố gắng nhiều hơn để thể hiện vị thế của mình trong quá trình hội nhập với nền kinh tế trong nước, khu vực và trên thế giới. Qua những năm hoạt động công ty từng bước khẳng định mình trên thương trường và việc đẩy mạnh công tác kế toán doanh thu, chi phí cũng như kết quả kinh doanh là vấn đề có ý nghĩa thiết thực. Điều đó không những giúp cho nhà quản lý đưa ra những biện pháp tiêu thụ hàng hóa hữu hiệu, bảo tồn vốn, đẩy nhanh vòng quay vốn, đem đến cho doanh nghiệp hiệu quả kinh tế cao mà còn giúp cho doanh nghiệp đứng vững trên thị trường cạnh tranh.

Nhận thức được tầm quan trọng, tính cấp thiết của vấn đề nêu trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL”*** làm đề tài luận văn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Chủ đề “Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh” đã được rất nhiều tác giả nghiên cứu. Có thể nói đây là vấn đề quan trọng trong bất cứ doanh nghiệp nào và tính thời sự của nó luôn là một vấn đề mà nhiều học giả đã và đang theo đuổi. Tiêu biểu là các công trình nghiên cứu sau:

+ Luận văn Thạc sĩ: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Thịnh Vượng Chung” của tác giả Nguyễn Thị Việt Hà (2016) đã hệ thống hóa được các cơ sở lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh cũng như thực trạng tại Công ty. Luận văn đã nêu ra nhược điểm về: Kế toán chi phí: Nhà quản lý chưa nắm bắt chi phí một cách kịp thời, theo từng điểm phát sinh. Thông tin kế toán quản trị ở công ty chủ yếu dựa vào kế toán tài chính mà chưa có sự

liên kết với các phòng ban khác. Từ đó, tác giả đưa ra một số biện pháp hoàn thiện chi phí. Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu dưới góc độ kế toán tài chính chưa nghiên cứu dưới góc độ kế toán quản trị.

+ Luận văn Thạc sĩ “Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Kiên” của tác giả Hoàng Thị Thu Giang năm 2017, đã trình bày được cơ bản các nội dung cơ sở lý luận của doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Luận văn đưa ra được các ưu điểm, hạn chế trong công tác kế toán. Tuy nhiên, luận văn chưa chỉ ra hạch toán chi phí cụ thể, chi phí cho từng đối tượng và cũng chưa đưa ra được các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác chi phí tại công ty.

+ Luận văn Thạc sĩ “Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Thuận Thành” của tác giả Nguyễn Thị Thùy Dương năm 2017 đã khái quát được lý luận chung về chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Luận văn có nghiên cứu dưới 2 góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tuy nhiên, dưới góc độ kế toán quản trị nghiên cứu chưa sâu, công ty chưa lưu tâm về kế toán quản trị. Các ưu điểm, nhược điểm và giải pháp không phân chia dưới góc độ tài chính và góc độ quản trị.

Nhìn chung những đề tài trên đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Nhưng việc nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL thì vẫn chưa có tác giả nào thực hiện. Vì vậy, trong nghiên cứu này, tác giả đi vào nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty. Từ đó, đưa ra những kiến nghị mang tính ứng dụng góp phần vào việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Xuất

nhập khẩu dầu công nghiệp TECTYL nói riêng và các doanh nghiệp thương mại nói chung.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh hướng tới các mục tiêu sau:

Hệ thống hóa lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Tìm hiểu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới cả góc độ kế toán tài chính và một số nội dung kế toán quản trị.

Phạm vi nghiên cứu:

+ Không gian: Tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

+ Thời gian: Số liệu sử dụng trong luận văn thu thập trong phạm vi năm 2018 và 2019.

+ Nội dung: Nghiên cứu này tập trung nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới cả kế toán tài chính và một số nội dung kế toán quản trị.

5. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu thứ cấp: Như tài liệu, giáo trình về lý thuyết kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh; Kết quả nghiên cứu của các tác giả khác có

liên quan; Sổ sách, báo cáo có liên quan tới kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

Dữ liệu sơ cấp: Tác giả thu thập dữ liệu thông qua quan sát thực tế các đối tượng có liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL

Xử lý dữ liệu: Dựa vào dữ liệu cả sơ cấp và thứ cấp, tác giả tổng hợp lại xử lý thông tin. Trên cơ sở đó, tác giả thực hiện đánh giá, phân tích thực trạng kế toán Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty, mặt mạnh, mặt yếu, các nguyên nhân chủ quan, khách quan, để từ đó tác giả đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

6. Đóng góp mới của đề tài

Bên cạnh những nghiên cứu đề tài kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính, tác giả còn chú trọng nghiên cứu, đánh giá chi tiết về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh về khía cạnh kế toán quản trị.

Trên cơ sở lý luận và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL, tác giả đánh giá các ưu, nhược điểm, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong việc hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán, các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên cả hai góc độ kế toán tài chính cũng như góc độ kế toán quản trị.

7. Kết cấu của đề tài

Đề tài được thực hiện gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu trong doanh nghiệp thương mại

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Doanh thu là yếu tố tất yếu cần có khi kinh doanh. Mọi biến động của doanh thu đều tác động đến tổ chức, doanh nghiệp. Doanh thu càng lớn chứng tỏ số lượng hàng hóa bán ra càng nhiều, doanh nghiệp ngày càng mở rộng quy mô và nguồn lực phát triển.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14), Doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế số 18 (IAS 18), Doanh thu được cho là luồng thu gộp các lợi ích kinh tế trong kỳ, phát sinh trong quá trình hoạt động thông thường, làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, chứ không phải phần đóng góp của những người tham gia góp vốn cổ phần, doanh thu không bao gồm những khoản thu cho bên thứ ba.

Có thể hiểu một cách đơn giản, doanh thu là khoản thu từ hoạt động kinh doanh của DN không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng cũng không được coi là doanh thu.

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trong đó, điều kiện “Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn” được quy định theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC như sau:

Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

1.1.1.3. Phân loại doanh thu

Trong quá trình hoạt động và phát triển, có rất nhiều khoản doanh thu và thu nhập của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Dựa trên nhiều tiêu thức như cơ sở thông tin, vị trí địa lý, đơn vị tiền tệ,...mà doanh thu được chia thành nhiều loại khác nhau.

- Phân loại doanh thu theo bản chất kinh tế

Theo tiêu thức này, doanh thu của doanh nghiệp thương mại được chia thành 03 loại:

Doanh thu bán hàng: Là toàn bộ doanh thu được thực hiện từ việc bán hàng trong kỳ

Doanh thu hoạt động tài chính: Là toàn bộ giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- + Tiền lãi
- + Cổ tức lợi nhuận được chia
- + Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ,...

Thu nhập khác: Là khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác bao gồm:

- + Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- + Các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- + Các khoản nợ phải trả nay mất chủ;
- + Tiền thưởng liên quan đến việc tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm,..
- Phân loại doanh thu theo khu vực địa lý:

Theo tiêu thức này, doanh thu được chia thành 02 loại:

Doanh thu nội địa: Là doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ trong nước

Doanh thu quốc tế: Là doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ ra nước ngoài hoặc tới các khu chế xuất hoặc khu phi thuế quan.

Việc phân loại doanh thu theo tiêu thức này mục đích xác định được mức độ hoạt động theo khu vực địa lý. Từ đó, nhà quản trị đánh giá được khả năng sinh lợi và mức độ rủi ro theo từng vùng để có những phương án kinh doanh phù hợp.

- Phân loại doanh thu theo phương thức thanh toán tiền hàng

Doanh thu bán hàng thu tiền ngay: Là toàn bộ các khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...đã bán trong kỳ và đã được khách hàng trả tiền ngay khi phát sinh doanh thu.

Doanh thu bán hàng chịu: Là toàn bộ các khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...đã bán trong kỳ, đã được ghi nhận doanh thu. Tuy nhiên, khách hàng còn nợ tiền hàng (khách hàng mua chịu).

Doanh thu bán hàng trả góp: Là toàn bộ các khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...đã bán trong kỳ, khách hàng đã thanh toán một phần tiền hàng hoặc chưa thanh toán. Trong trường hợp này, người mua phải trả hết tiền hàng trong một khoảng thời gian nhất định, phải mua hàng với giá cao hơn giá trả tiền ngay = (giá bán trả ngay + lãi)

Với cách phân loại này sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng được dự toán về các khoản công nợ phải thu và chi phí trong kỳ. Ngoài ra, phân loại theo tiêu thức phương thức thanh toán tiền hàng còn giúp doanh nghiệp phân tích, đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng và làm căn cứ trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Phân loại doanh thu theo phương thức bán hàng

Doanh thu bán buôn: Là toàn bộ doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa bán cho đơn vị khác nhằm mục đích để tiếp tục chuyển bán.

Doanh thu bán lẻ: Là toàn bộ doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa...bán cho cơ quan, đơn vị khác, cá nhân nhằm mục đích tiêu dùng.

Doanh thu gửi bán đại lý: Là toàn bộ doanh thu của khối lượng hàng hóa gửi bán đại lý theo hợp đồng đã ký kết.

Với cách phân loại doanh thu theo tiêu chí này sẽ giúp DN xác định được tổng mức tiêu thụ sản phẩm của từng loại, từ đó hoạch định được mức luân chuyển hàng hóa, xây dựng được mức dự trữ hàng hóa cần thiết, tránh

được tình trạng ứ đọng hoặc thiếu hàng gây ảnh hưởng không tốt cho quá trình HĐKD của doanh nghiệp.

- Phân loại doanh thu theo mối quan hệ với điểm hòa vốn

Doanh thu hòa vốn: Là doanh thu mà tại đó mà lợi nhuận của các sản phẩm dịch vụ bằng không hay doanh thu bằng chi phí.

Doanh thu an toàn: Là mức doanh thu lớn hơn mức doanh hòa vốn hay mức doanh thu mà DN có được khi bù đắp được các khoản chi phí.

Với cách phân loại này giúp DN xác định được điểm hòa vốn hay điểm an toàn cho từng phương án kinh doanh, trên cơ sở đó DN đưa ra lựa chọn chính xác phương án kinh doanh tối ưu nhất.

Như vậy, có rất nhiều cách phân loại doanh thu trong doanh nghiệp. Phụ thuộc vào mục đích sử dụng thông tin, doanh nghiệp cần phân loại doanh thu hợp lý với tình hình hoạt động kinh doanh.

1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí trong doanh nghiệp thương mại

1.1.2.1. Khái niệm về chi phí

Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, các hao phí để duy trì doanh nghiệp được biểu hiện bằng tiền và trong kì nhất định. Hao phí phải trả cho người lao động, hao phí phải trả cho nhà cung cấp hay bất kỳ hao phí nào mà doanh nghiệp đã sử dụng mà rất khó để xác định đều được gọi chung là chi phí.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 (VAS 01), Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Như vậy, xét trên góc độ kế toán, chi phí trong doanh nghiệp thương mại được nhìn nhận như những phí tổn đã phát sinh gắn liền với các hoạt

động của doanh nghiệp bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

Kế toán chi phí ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của các thông tin trên BCTC, cũng như tính đúng đắn các quyết định trong quản trị doanh nghiệp. Quản lý tốt chi phí, không những tạo điều kiện để doanh nghiệp thương mại tăng lợi nhuận, mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

1.1.2.2. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp thương mại

Quá trình HĐKD của doanh nghiệp phát sinh rất nhiều loại chi phí. Việc phân loại chi phí một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng trong việc quản lý và hạch toán chi phí của doanh nghiệp. Với mục đích cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị DN và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán, chi phí kinh doanh thường trong DNTM được phân loại theo các cách chủ yếu như:

- Phân loại theo khoản mục chi phí có trong giá thành sản phẩm tiêu thụ

Theo cách phân loại này, toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm của DN được chia làm các loại như sau:

Giá vốn hàng bán: Đối với một doanh nghiệp thương mại thì giá vốn hàng bán là tổng chi phí cần thiết để hàng hóa có mặt tại kho (giá mua từ nhà cung cấp, vận chuyển, bảo hiểm,...). Giá vốn hàng bán là một trong những khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại.

Chi phí bán hàng: Là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng đó là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ. Loại chi phí này bao gồm: chi phí quảng cáo; chi

phí giao hàng, giao dịch; hoa hồng bán hàng; chi phí nhân viên bán hàng và chi phí khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý SXKD có tính chất chung toàn doanh nghiệp. Bao gồm: chi phí nhân viên quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; khấu hao TSCĐ dùng cho cho toàn doanh nghiệp; các loại thuế phí có tính chất chi phí; chi phí khánh tiết, chi phí hội nghị...

Cách phân loại này giúp cho nhà quản trị DN nắm được KQKD lãi hoặc lỗ của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà DN kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí QLDN cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật nghiên cứu.

- Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí

Để cung cấp thông tin về chi phí một cách cụ thể hơn nhằm phục vụ cho việc xây dựng và phân tích định mức vốn lưu động, việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán chi phí, các yếu tố chi phí trên cần được chi tiết hoá theo nội dung kinh tế cụ thể của chúng:

Chi phí cho người lao động: Phản ánh các khoản chi phí về tiền lương, các khoản BHXH, BHYT phải trả cho người lao động.

Chi phí vật tư, tài sản doanh nghiệp: Bao gồm các khoản tiền khấu hao TSCĐ, hao phí vật liệu bao gói, bảo quản.

Hoa hụi hàng hoá: Là khoản chi phí phát sinh về hao hụi tự nhiên của hàng hoá kinh doanh do điều kiện tự nhiên và tính chất lý hoá trong quá trình bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ hàng hoá.

- Phân loại chi phí theo mức độ hoạt động

Theo cách này, chi phí được chia thành chi phí biến đổi, chi phí cố định và chi phí hỗn hợp:

Chi phí biến đổi: Là các khoản chi phí thường tỷ lệ với mức độ hoạt động. Mức độ hoạt động trong DNTM là số lượng sản phẩm tiêu thụ, thời gian cung cấp dịch vụ.

Trong HĐKD của các DNTM, chi phí biến đổi thể hiện ở hoa hồng bán hàng, chi phí về bao bì vật liệu đóng gói, lương cán bộ trực tiếp, lương khoán thu nhập, chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí vận chuyển bảo quản, Những chi phí này, khi mức độ hoạt động gia tăng thì chúng cũng gia tăng tỷ lệ thuận và ngược lại. Tuy nhiên, các chi phí biến đổi nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì lại có tính cố định.

Chi phí cố định: Là những khoản chi phí phát sinh trong kỳ không thay đổi hoặc thay đổi không đáng kể khi mức lưu chuyển hàng hoá của doanh nghiệp thương mại thay đổi. Chi phí này bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định, tiền thuê kho hàng, cửa hàng trong một thời kỳ, lương cán bộ gián tiếp. Chi phí cố định thường không thay đổi trong phạm vi giới hạn của quy mô hoạt động. Nhưng nếu xét trên một đơn vị mức độ hoạt động thì tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động.

Tuy nhiên, khái niệm trên của định phí chỉ tương xứng trong từng phạm vi phù hợp. Một khi mức độ hoạt động vượt quá phạm vi phù hợp nhất định thì định phí lại thay đổi theo cấp bậc mới để phù hợp với mức độ hoạt động này. Phạm vi phù hợp là phạm vi giữa mức độ hoạt động tối thiểu và tối đa có thể tiến hành sản xuất mà DN không phải đầu tư thêm định phí.

Chi phí hỗn hợp: Chi phí hỗn hợp là chi phí mà bản thân nó bao gồm cả yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định. Tại mức độ hoạt động căn bản chi phí hỗn hợp có đặc điểm chi phí cố định, quá mức đó nó lại thể hiện đặc tính của chi phí biến đổi.

- Phân loại chi phí theo yêu cầu sử dụng chi phí trong việc lựa chọn phương án kinh doanh

Theo cách phân loại này, chi phí trong kỳ của DN được phân làm 3 loại: chi phí chênh lệch, chi phí cơ hội, chi phí chìm.

Chi phí chênh lệch: những chi phí khác biệt về chủng loại và mức chi phí giữa các phương án kinh doanh. Chi phí chênh lệch được ghi nhận như những dòng chi phí hiện diện, xuất hiện trong PAKD mà chỉ xuất hiện một phần hoặc không xuất hiện trong PAKD khác. Chi phí chênh lệch là một khái niệm để nhận thức, so sánh chi phí khi lựa chọn các phương án kinh doanh. Nó giúp nhà quản trị thấy được sự khác biệt về chi phí và lợi nhuận trong các phương án tốt hơn.

Chi phí cơ hội: Chi phí cơ hội là một khoản lợi nhuận tiềm tàng bị mất đi hay phải hy sinh để lựa chọn, thực hiện PAKD này thay thế cho PAKD khác. Chi phí cơ hội không xuất hiện trên tài liệu chi phí của KTTC do không có chứng từ pháp lý hợp lệ. Vì vậy, chi phí cơ hội là một khái niệm bổ sung cần thiết trong HĐKD của doanh nghiệp.

Chi phí chìm: Là loại chi phí mà DN sẽ phải gánh chịu, bất kể đã lựa chọn phương án hoặc hành động nào. Đây là dòng chi phí mà nhà quản trị phải chấp nhận không có sự lựa chọn nào. Ví dụ như chi phí quảng cáo dài hạn, tiền thuê mặt bằng kinh doanh,... đây là chi phí mà nhà quản trị phải chấp nhận hàng năm dù tiến hành PAKD nào.

Như vậy ta thấy, việc phân loại chi phí theo tiêu thức này, sẽ giúp cho nhà quản trị DN có được đầy đủ các thông tin hữu ích trong việc ra quyết định lựa chọn các phương án cũng như các cơ hội kinh doanh.

* Phân loại theo dòng vận động của chi phí trong một kỳ kinh doanh

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành:

Chi phí sản phẩm: Chi phí sản phẩm trong DNTM là những chi phí gắn liền với sản phẩm được mua vào trong kỳ. Đối với hoạt động kinh doanh

thương mại, chi phí sản phẩm là giá vốn của hàng mua vào, bao gồm giá mua hàng hoá và chi phí mua hàng hoá trong kỳ.

Nếu hàng hoá mua vào chưa được tiêu thụ thì chi phí sản phẩm là giá vốn hàng tồn kho. Chúng được ghi nhận là một bộ phận tài sản và được phản ánh trong chỉ tiêu hàng tồn kho trong Bảng cân đối kế toán. Trong trường hợp các sản phẩm, hàng hoá đã được tiêu thụ thì chi phí sản phẩm là vốn hàng đã bán và được ghi vào chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được bù đắp bằng doanh thu của số sản phẩm hàng hoá đã tiêu thụ.

Chi phí thời kỳ: Là những khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán dù có mua hàng hóa về để bán lại hay không. Chi phí thời kỳ là những chi phí phát sinh và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong một kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận với 2 chỉ tiêu: "Chi phí bán hàng" và "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kế toán tài chính.

1.1.3. Kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Khái niệm

Lợi nhuận thuần từ HĐKD: là kết quả của HĐKD trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động bán hàng, các hoạt động cung cấp dịch vụ và các HĐTC đã xảy ra trong DN.

Lợi nhuận khác: Đối với các hoạt động kinh tế khác, lợi nhuận được xác định là khoản lợi nhuận không dự tính trước hoặc những khoản thu mang tính chất không thường xuyên. Những khoản lợi nhuận khác có thể do chủ quan hoặc khách quan mang lại.

Sau khi đã xác định được lợi nhuận của các hoạt động, kế toán tiến hành tổng hợp lại được lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

$$\text{Tổng LN trước thuế TNDN} = \text{LN thuần từ HĐKD} + \text{LN khác}$$

Phần còn lại của lợi nhuận sau khi trừ số thuế TNDN chính là lợi nhuận sau thuế (lợi nhuận ròng):

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Tổng lợi nhuận trước} & & \text{Chi phí thuế TNDN} \\ \text{sau thuế} & = & \text{thuế TNDN} & - & \text{phải nộp trong kỳ} \end{array}$$

Thuế TNDN hiện hành: Là số thuế TNDN phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành.

Có thể nói, kế toán KQHĐKD là điều kiện cần thiết để đánh giá KQHĐKD của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định, là cơ sở để đánh giá HĐKD của doanh nghiệp. Kế toán KQHĐKD có ý nghĩa quan trọng, dựa vào những thông tin về KQHĐKD mà kế toán cung cấp các nhà quản trị DN có thể phân tích và đánh giá xem DN của mình hoạt động có thực sự hiệu quả hay không và hiệu quả đến đâu. Để từ đó, nhà quản trị DN có những chiến lược, biện pháp hữu hiệu nhằm đem lại lợi nhuận ngày càng cao cho doanh nghiệp.

1.1.3.2. Phân loại kết quả kinh doanh

Phân loại HĐKD trong doanh nghiệp là cơ sở để xác định KQKD. Hoạt động kinh doanh của một DN có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau. Về lý luận cũng như trong thực tế, hoạt động của doanh nghiệp thường được phân loại theo các tiêu thức sau:

- Phân loại hoạt động kinh doanh theo cách thức phản ánh của kế toán tài chính.

Theo cách thức phản ánh của kế toán tài chính, HĐKD của doanh nghiệp được chia thành các hoạt động cụ thể sau:

Hoạt động kinh doanh thương mại: Là những hoạt động thuộc lĩnh vực dịch vụ thương mại có liên quan đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư. Đây là những hoạt động mà doanh nghiệp phải dành hầu hết cơ sở

vật chất, kỹ thuật, con người để tiến hành, đồng thời những hoạt động này cũng tạo nên doanh thu chủ yếu cho doanh nghiệp.

Hoạt động đầu tư tài chính: Hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động đầu tư về vốn vào các doanh nghiệp, tổ chức khác với mục đích kiếm lời. Thuộc hoạt động đầu tư tài chính bao gồm các hoạt động như: đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư vào doanh nghiệp con, đầu tư vào doanh nghiệp liên kết, đầu tư vào doanh nghiệp liên doanh đồng kiểm soát, đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Hoạt động khác: Là các hoạt động mang tính không thường xuyên của doanh nghiệp.

Cách phân loại này sẽ giúp doanh nghiệp sẽ xác định được KQKD của từng hoạt động tương ứng. Cách phân loại này tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán trong việc ghi nhận doanh thu, chi phí theo từng hoạt động, làm căn cứ để đánh giá hiệu quả theo từng hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành.

- Phân loại kết quả kinh doanh theo mối quan hệ với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, KQHĐKD trong kỳ của DNTM được tiến hành phân loại như sau:

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ: Phản ánh lợi nhuận của tất cả các HĐKD mang lại sau khi lấy doanh thu trừ đi các khoản giảm trừ và giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Phản ánh lợi nhuận thu được từ HĐKD thuần của doanh nghiệp.

- Phân loại kết quả kinh doanh theo từng loại sản phẩm hoặc từng nhóm sản phẩm.

Để phân loại được KQKD theo từng loại sản phẩm hoặc từng nhóm sản phẩm, ngay từ khâu tập hợp chi phí, DN phải tập hợp chi phí theo từng

loại sản phẩm hoặc từng nhóm sản phẩm. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp sẽ xác định được KQHĐKD theo từng loại sản phẩm hoặc từng nhóm sản phẩm mà doanh nghiệp đã kinh doanh trong kỳ.

Phân loại theo cách này, sẽ giúp doanh nghiệp xác định được kết quả lãi (lỗ) theo từng loại sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm. Trên cơ sở đó, các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ có lựa chọn chính xác nhất các PAKD của doanh nghiệp.

1.1.4. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và KQKD là một trong những phần hành quan trọng của kế toán doanh nghiệp. Trên thực tế quản lý doanh thu, chi phí và KQKD là việc tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng về việc sử dụng các nguồn vốn và chi phí, từ đó đưa ra các quyết định ngắn hạn cũng như dài hạn của doanh nghiệp. Thông qua các thông tin kinh tế về doanh thu, chi phí và KQKD của doanh nghiệp, các đối tượng sử dụng thông tin sẽ đánh giá được trình độ tổ chức kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường, tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, sự biến động của doanh thu, chi phí và KQKD đã ghi nhận ở doanh nghiệp sẽ góp phần tăng cường quản lý tài sản, tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả kinh doanh. Với tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, bộ máy kế toán cần được doanh nghiệp tổ chức một cách hợp lý, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ quản lý, tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại.

Để thông tin kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là công cụ tốt trong điều hành và quản lý quá trình kinh doanh của doanh nghiệp và phục vụ cho các nhu cầu khác của đối tượng khác ngoài doanh nghiệp thì

quản lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phải đáp ứng yêu cầu sau:

Phải xác định đúng đắn, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác, đầy chính xác cho các nhà quản trị. Việc xác định đúng đắn, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sẽ quyết định định sự sống còn của doanh nghiệp.

Phải quản lý doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo từng hoạt động, từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Việc theo dõi chính xác doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo từng hoạt động, từng bộ phận kinh doanh sẽ xác định được những hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả thấp cũng như những hoạt động kinh doanh đem lại lợi nhuận cao. Để từ đó có những phương án thúc đẩy những hoạt động đem lại hiệu quả cao, khắc phục hoặc thay đổi phương án kinh doanh đem lại hiệu quả thấp.

Cung cấp thông tin doanh thu, chi phí và hoạt động kinh doanh phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở đó các nhà quản trị ra quyết định phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Tổ chức phân tích thông tin phục vụ cho yêu cầu lập kế hoạch doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh và phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp. Việc lập kế hoạch nhằm xây dựng mục tiêu đạt được trong tương lai và phương án để thực hiện kế hoạch đó.

Có thể nói, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại giữ vai trò then chốt trong việc tạo dựng hệ thống thông tin kinh tế cung cấp cho quản lý. Chất lượng thông tin của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh được coi là một trong những tiêu

chuẩn quan trọng để đảm bảo sự an toàn và khả năng mang lại thắng lợi cho các quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại dưới góc độ kế toán tài chính

Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại bị chi phối bởi các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phối

Nguyên tắc cơ sở dồn tích

Theo nguyên tắc này thì các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Nguyên tắc phù hợp

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chi phí và doanh thu là hai mặt thống nhất của cùng một quá trình, chi phí là cơ sở nguồn gốc tạo ra doanh thu, doanh thu là kết quả của chi phí bỏ ra, là nguồn bù đắp chi phí. Do đó việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Việc hạch toán phù hợp giữa doanh thu và chi phí nhằm xác định và đánh giá đúng kết quả kinh doanh của từng kỳ kế toán, giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định kinh doanh đúng đắn và hiệu quả.

Nguyên tắc thận trọng

Theo nguyên tắc này, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cần phải:

Lập các khoản dự phòng đúng quy định, lập dự phòng không phản ánh cao hơn giá trị tài sản thực tế có thể thực hiện. Do thực tế các khoản tổn thất đã phát sinh (hoặc nhiều khả năng sẽ phát sinh) nên cần phải lập dự phòng (trích vào chi phí) để đảm bảo tính phù hợp giữa doanh thu và chi phí thực tế.

Đảm bảo tính đúng kỳ của chi phí, không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản chi phí. Doanh thu và thu nhập chỉ ghi nhận khi có các bằng chứng chắc chắn. Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí

Nguyên tắc trọng yếu

Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phải thu thập, xử lý và cung cấp đầy đủ những thông tin về doanh thu, chi phí có tính chất trọng yếu, còn những thông tin không mang tính chất trọng yếu, ít có tác dụng hoặc có ảnh hưởng không đáng kể tới quyết định của người sử dụng thì có thể bỏ qua. Tính trọng yếu của thông tin được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính, nó phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót kế toán được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể.

Chuẩn mực kế toán chi phối

VAS 01- Chuẩn mực chung: quy định những nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán cơ bản khi thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Khi ghi nhận doanh thu và thu nhập doanh nghiệp thương mại cần phải tuân thủ một số nguyên tắc sau đây:

- Doanh thu và thu nhập được xác định là “thực hiện” khi thỏa mãn hai điều kiện: đạt được và có thể xác định. Về cơ bản, doanh thu và thu nhập được coi là đạt được khi đơn vị kế toán hoàn thành hoặc gần như hoàn thành

những công việc cần phải thực hiện đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ sẽ cung cấp cho khách hàng để nhận được lợi ích kinh tế tương ứng với doanh thu; doanh thu được coi là có thể xác định khi thu được tiền hàng hoặc có quyền pháp lý thu tiền tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được. Trong một số trường hợp đặc biệt như mua bán bất động sản, bán tài sản trả tiền dần (trả góp), hay 1 số trường hợp đặc biệt khác, doanh thu có thể được xác định theo những phương pháp khác nhau như: Theo số tiền thực thu, theo phương thức trả góp, theo phần trăm hoàn thành.

- Vì mỗi một số liệu của kế toán đều liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhiều phía khác nhau, mà trong lĩnh vực kinh tế thì có nhiều trường hợp không thể lường trước hết được từ đó đòi hỏi kế toán phải thận trọng. Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế;

- Việc ghi nhận doanh thu, chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

- Doanh thu và thu nhập khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thu được lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan tới sự gia tăng về tài sản hoặc giảm bớt nợ phải trả và giá trị gia tăng đó phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Về kế toán chi phí, để xác định đúng, chính xác các khoản mục chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp cần phải tôn trọng các nguyên tắc như sau: chi phí kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan

đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy, có bằng chứng có thể về khả năng phát sinh; các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ; một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Về kế toán kết quả kinh doanh, chuẩn mực này quy định các nguyên tắc ghi nhận và phản ánh kết quả kinh doanh như sau: Kết quả hoạt động kinh doanh phải được phản ánh đầy đủ, chính xác theo quy định hiện hành; kết quả hoạt động kinh doanh được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động. Trong hạch toán hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ; các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào để xác định kết quả kinh doanh là doanh thu thuần và thu nhập thuần.

VAS 14- “Doanh thu và thu nhập khác” quy định: Doanh thu và thu nhập được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ các dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau: doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch các dịch vụ đó; xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán; xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch các dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về các dịch vụ thực hiện trong kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng thời kỳ được thực hiện theo phương pháp tỉ lệ hoàn thành, theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xét theo tỉ lệ phần công việc đã hoàn thành. Như vậy khi hạch toán ghi nhận doanh thu phải xác định xem doanh thu từ nghiệp vụ bán hàng đó có thỏa mãn những quy định về xác định và điều kiện ghi nhận doanh thu hay không. Chỉ khi những quy định và những điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn thì doanh thu mới được ghi nhận.

VAS 10 - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”: Quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán những ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái khi doanh nghiệp có các giao dịch bằng ngoại tệ hoặc có các hoạt động ở nước ngoài. Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch. Trong kỳ kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của DN đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được ghi nhận là thu nhập, hoặc chi phí trong năm tài chính (trừ khi DN sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái).

VAS 17- “Thuế thu nhập doanh nghiệp”: Quy định về kế toán chi phí và kết quả kinh doanh như sau:

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần.

- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

1.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo quy định của chế độ kế toán

1.2.2.1. Kế toán doanh thu trong doanh nghiệp thương mại

- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong doanh nghiệp, khi phát sinh doanh thu BH&CCDV, kế toán căn cứ vào các chứng từ: Hóa đơn bán hàng, hóa đơn thuế GTGT, giấy báo có, phiếu thu, hợp đồng, thanh lý hợp đồng, P XK,...để ghi nhận và hạch toán doanh thu trong kỳ kinh doanh.

Để theo dõi và hạch toán doanh thu BH&CCDV, doanh nghiệp sử dụng tài khoản TK 511 - Doanh thu BH & CCDV để phản ánh doanh thu BH & CCDV của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán (bao gồm cả doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp mẹ, doanh nghiệp con trong cùng tập đoàn), từ đó tính ra doanh thu thuần về tiêu thụ trong kỳ. Cuối kỳ các khoản doanh thu này sẽ được kết chuyển sang TK 911- XĐKQKD để doanh nghiệp xác định KQKD trong kỳ.

Chế độ kế toán hiện hành đã bổ sung làm rõ quy định về điều kiện ghi nhận doanh thu được xác định tương đối chắc chắn trong VAS 14- “Doanh

thu và thu nhập” như sau: Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá. Nếu khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác thì vẫn ghi nhận doanh thu từ thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa.

Quá trình kế toán doanh thu BH&CCDV trong doanh nghiệp thương mại (*Phụ lục số 01*).

Ngoài ra kế toán doanh thu còn sử dụng tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu để ghi giảm trừ doanh thu.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, doanh nghiệp mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết tài khoản 511, sổ cái tài khoản 511,...để theo dõi và quản lý doanh thu bán hàng.

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, doanh thu BH & CCDV được trình bày tại: Chỉ tiêu số 1- Doanh thu BH & CCDV (mã số 01), chỉ tiêu số 2 - Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02), chỉ tiêu số 3 - DT thuần về BH & CCDV (mã số 10).

Trên “Bản thuyết minh BCTC” – mẫu B09 - DNN, doanh thu BH & CCDV được phản ánh tại tiểu mục 1 thuộc mục VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Trong doanh nghiệp, khi phát sinh doanh thu HĐTC trong kỳ, kế toán căn cứ vào các chứng từ: Hóa đơn GTGT, giấy báo có, phiếu thu, phiếu tính lãi,...để ghi nhận và hạch toán doanh thu trong kỳ kinh doanh.

Để phản ánh doanh thu HĐTC, kế toán sử dụng tài khoản "TK 515 - Doanh thu HĐTC" và các tài khoản liên quan khác để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh.

Kế toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu HĐTC (*Phụ lục số 02*).

Để theo dõi và quản lý doanh thu HĐTC, doanh nghiệp còn sử dụng, sổ chi tiết tài khoản 515, sổ cái tài khoản 515,...

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, doanh thu HĐTC được trình bày tại chỉ tiêu 6 (mã số 21), trên “Bản thuyết minh BCTC” – mẫu B09 -DNN, doanh thu HĐTC được phản ánh tại tiểu mục 4 thuộc mục VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

- Kế toán thu nhập khác

Để phản ánh các thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 711 - Thu nhập khác và các tài khoản liên quan khác để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh.

Kế toán nghiệp vụ phát sinh liên quan đến thu nhập khác (*Phụ lục số 03*).

Để theo dõi và quản lý thu nhập khác, kế toán còn sử dụng các sổ chi tiết, sổ cái và sổ nhật ký tài khoản.

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, thu nhập khác được trình bày tại chỉ tiêu 10 (mã số 31).

1.2.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp thương mại

- Kế toán giá vốn hàng bán

Để tập hợp và hạch toán GVHB phát sinh trong kỳ kinh doanh, kế toán căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn, bảng kê phiếu mua hàng, PNK, P XK, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm hàng hóa, phiếu chi, phiếu thu, chứng từ bảo hiểm, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, tờ khai hải quan, biên lai thu thuế,...

Doanh nghiệp sử dụng tài khoản ‘TK 632 - GVHB’ để tổng hợp và theo dõi các CP này.

Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo PPKCTX (*Phụ lục số 04*), nếu doanh nghiệp nếu hạch toán hàng tồn kho theo PPKĐK (*Phụ lục số 05*).

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán mở sổ chi tiết GVHB, sổ cái tài khoản 632,...để theo dõi các chi phí này.

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, GVHB được trình bày tại chỉ tiêu 4 (mã số 11). Trên “Bản thuyết minh BCTC” – mẫu B09 - DNN, GVHB sẽ được phản ánh tại tiểu mục 3, thuộc mục VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

- Kế toán chi phí tài chính

Đề tập hợp chi phí tài chính, kế toán căn cứ vào các chứng từ: hợp đồng thuê TSCĐ thuê tài chính, HĐ&TLHĐ, phiếu trả lãi trái phiếu định kỳ, biên bản góp vốn, giấy báo có, bảng tính lãi vay, chứng từ chia cổ tức ...để ghi nhận và hạch toán chi phí tài chính phát sinh trong kỳ kinh doanh.

Kế toán sử dụng tài khoản “TK 635 - chi phí tài chính” để tổng hợp, theo dõi các chi phí này.

Kế toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí tài chính trong kỳ (*Phụ lục số 06*).

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán mở sổ chi tiết chi phí tài chính, sổ cái tài khoản 635,...để theo dõi các chi phí này.

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, chi phí tài chính được trình bày tại chỉ tiêu 7 (mã số 22). Trên “Bản thuyết minh BCTC” – mẫu B09 - DNN, chi phí tài chính sẽ được phản ánh tại tiểu mục 5, thuộc mục VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

- Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

+ *Kế toán chi phí bán hàng*

Theo quy định, khi phát sinh chi phí BH, kế toán căn cứ vào các chứng từ: bảng chấm công; bảng chấm công làm thêm giờ; bảng thanh toán tiền lương, tiền thưởng, giấy đi đường; PNK; P XK; biên bản giao nhận TSCĐ; bảng tính và phân bổ khấu hao; bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi; thẻ quầy hàng;...để ghi nhận và hạch toán chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ kinh doanh.

Để theo dõi và hạch toán chi phí bán hàng, doanh nghiệp sử dụng tài khoản “TK 6421 - chi phí bán hàng”.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền...và được theo dõi theo từng bộ phận. Cuối kỳ, những chi phí này sẽ được kết chuyển sang tài khoản xác định KQKD để doanh nghiệp xác định KQKD trong kỳ (*Phụ lục số 07*).

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, doanh nghiệp sử dụng sổ chi tiết chi phí BH; sổ nhật ký bán hàng; sổ chi tiết bán hàng; sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán); sổ cái tài khoản 6421,... để theo dõi và quản lý chi phí bán hàng.

+ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Để tập hợp chi phí QLDN, kế toán thường sử dụng các chứng từ sau: bảng chấm công; bảng chấm công làm thêm giờ; bảng thanh toán tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ; giấy đi đường; PNK; P XK; HĐ&TLHĐ; biên bản giao nhận TSCĐ; bảng tính và phân bổ khấu hao; bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi; thẻ quầy hàng; thông báo thuế; bảng kê nộp thuế; biên lai thu thuế ...để ghi nhận và hạch toán chi phí QLDN phát sinh trong kỳ kinh doanh.

Để theo dõi chi phí QLDN, doanh nghiệp sử dụng tài khoản “TK 6422 - chi phí QLDN” để tổng hợp, theo dõi các chi phí này.

Cuối kỳ những chi phí QLDN được ghi nhận sẽ được kết chuyển sang tài khoản XĐKQKD để DN xác định KQKD trong kỳ (*Phụ lục số 08*).

Ngoài ra, để theo dõi và quản lý chi phí QLDN, doanh nghiệp còn sử dụng sổ chi tiết chi phí QLDN; sổ chi tiết tiền lương; sổ theo dõi tạm ứng; sổ theo dõi phải thu, phải trả; sổ cái TK 6422,...

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, chi phí bán hàng và chi phí QLDN được trình bày tại chỉ tiêu 8 (mã số 24), trên “Bản thuyết minh BCTC” – mẫu B09 - DNN, chi phí bán hàng và chi phí QLDN sẽ được tách riêng và ghi ở từng chỉ tiêu phù hợp tại tiêu mục 06 - chi phí quản lý kinh doanh theo yếu tố, thuộc mục VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo KQHĐKD.

- Kế toán chi phí khác

Để phản ánh các khoản chi phí khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 811 - Chi phí khác và các tài khoản liên quan khác để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh.

Kế toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí khác (*Phụ lục số 09*).

Để theo dõi và quản lý chi phí khác, kế toán còn sử dụng các sổ chi tiết TK 811, sổ cái TK 811 và sổ nhật ký tài khoản.

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, thu nhập khác được trình bày tại chỉ tiêu 11 (mã số 32).

1.2.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

- Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Để phản ánh các khoản chi phí khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 821- Chi phí thuế TNDN và các tài khoản liên quan khác để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh.

Kế toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến CP thuế TNDN (*Phụ lục số 10*).

Để theo dõi và quản lý chi phí khác, kế toán còn sử dụng các sổ chi tiết TK 821, sổ cái TK 821 và sổ nhật ký tài khoản .

- Kế toán kết quả kinh doanh sau thuế TNDN

Trong doanh nghiệp, để xác định KQKD, kế toán thường căn cứ vào sổ cái các tài khoản doanh thu, chi phí: TK 632, TK 642, TK 635, TK511, TK515 để xác định kết quả kinh doanh (lợi nhuận thuần từ HĐKD) trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp.

Để theo dõi, phản ánh kết quả HĐKD (lợi nhuận thuần từ HĐKD), các DN sử dụng tài khoản “TK 911- XĐKQKD”, “TK 821 - Chi phí thuế TNDN” và các tài khoản liên quan.

Quá trình hạch toán kết quả HĐKD (*Phụ lục số 11*).

Ngoài ra, để theo dõi và quản lý kết quả HĐKD, DN mở sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 911.

Trên “Báo cáo KQHĐKD” – mẫu B02 - DNN, lợi nhuận thuần từ HĐKD được trình bày tại chỉ tiêu 9 (mã số 30), CP thuế TNDN được trình bày tại chỉ tiêu 14 mã số 51), lợi nhuận sau thuế TNDN được trình bày tại chỉ tiêu 15 (mã số 60).

1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp dưới góc độ kế toán quản trị

1.3.1. Xây dựng và lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Dự toán là một trong những công cụ được các nhà quản lý sử dụng rộng rãi trong việc hoạch định và kiểm soát. Dự toán cung cấp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thông tin về toàn bộ kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp một cách có hệ thống và đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm

vụ, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp và đánh giá trách nhiệm quản lý của từng bộ phận, cá nhân trong tổ chức, khai thác các khả năng tiềm tàng về nguồn lực nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.

Căn cứ vào kế hoạch chung của toàn doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp giao cho từng cấp quản lý trong nội bộ DN xây dựng dự toán HĐKD. Quản trị doanh nghiệp căn cứ vào các bản dự toán chi tiết của các cấp quản lý để có cơ sở, xây dựng hệ thống dự toán chi phí hàng năm của doanh nghiệp.

Trong quá trình lập dự toán thì dự toán tiêu thụ là dự toán được lập đầu tiên và là cơ sở để lập các dự toán khác. Dựa vào dự toán tiêu thụ và dự toán tồn kho, bộ phận dự toán sẽ tiến hành lập dự toán hàng hóa mua vào. Ngoài ra, dự toán tiêu thụ còn là cơ sở để lập dự toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN và các dự toán tài chính khác như: dự toán báo cáo KQHĐKD, dự toán báo cáo cân đối kế toán, dự toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Dự toán doanh thu tiêu thụ

Dự toán doanh thu tiêu thụ (dự toán tiêu thụ) là dự toán đầu tiên cần phải lập, đây là căn cứ để xác định các dự toán khác. Xây dựng dự toán tiêu thụ chính là việc xác định, tính toán số tiền doanh thu ước tính thu được cho kỳ hoạt động, cho kỳ dự toán. Dự toán tiêu thụ nếu phản ánh chính xác tình hình tiêu thụ của doanh nghiệp trong năm kế hoạch sẽ giúp doanh nghiệp tránh được tình hình thiếu hàng hoặc tồn kho quá nhiều.

Khi lập dự toán tiêu thụ cần dựa trên các cơ sở sau đây:

- Tình hình tiêu thụ của các kỳ trước;
- Chính sách quảng cáo, khuyến mãi của doanh nghiệp;
- Chính sách giá cả, chính sách tín dụng cho khách hàng;
- Tình hình biến động kinh doanh theo mùa vụ;
- Năng lực hoạt động của doanh nghiệp;
- Xu hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế.

Dự toán hàng hóa mua vào

Dự toán hàng hóa mua vào được lập nhằm dự tính số lượng sản phẩm cần mua vào trong kỳ dự toán. Căn cứ để lập là dựa vào Dự toán tiêu thụ, lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ, kế hoạch tồn kho sản phẩm cuối kỳ.

Dự toán hàng hóa mua vào được lập cho từng mặt hàng bao gồm các chỉ tiêu: Số lượng tiêu thụ, số lượng tồn kho cuối kỳ, số lượng tồn kho đầu kỳ, số lượng hàng hóa mua vào. Trong đó, các chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:

Số lượng hàng hóa mua vào được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng tiêu} & & \text{Số lượng tồn} & & \text{Số lượng tồn} \\ & = & \text{thụ trong kỳ} & + & \text{kho cuối kỳ} & - & \text{kho đầu kỳ} \\ \text{hóa mua vào} & & & & & & \end{array}$$

Trong đó:

+ Số lượng tiêu thụ trong kỳ: Bằng với số lượng tiêu thụ trên báo cáo Dự toán tiêu thụ.

+ Số lượng tồn kho cuối kỳ: Để ước tính số lượng tồn kho cuối kỳ, người lập dự toán phải tính toán sao cho lượng sản phẩm tồn kho kỳ trước cộng với lượng sản phẩm có thể mua vào có thể thỏa mãn hoàn toàn được nhu cầu sản phẩm tiêu thụ và dự trữ trong kỳ kế hoạch. Đồng thời cũng cần tính toán sao cho tránh được lượng tồn kho quá nhiều làm ứ đọng vốn và phát sinh những chi phí không cần thiết như chi phí bảo quản (nếu có), chi phí lưu kho, ...

+ Số lượng tồn kho đầu kỳ: Được xác định bằng số lượng tồn kho kỳ trước hay ước tồn kho kỳ trước.

Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Việc lập dự toán chi phí quản lý kinh doanh căn cứ vào dự toán tiêu thụ sản phẩm và các chi phí phát sinh ở tiêu thụ sản phẩm. Dự toán chi phí

quản lý kinh doanh sẽ chia rõ dự toán bán hàng và dự toán quản lý doanh nghiệp.

Dự toán bán hàng này sẽ lập cho từng quý và từng loại sản phẩm. Căn cứ để lập là chi phí bán hàng năm trước, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch bán hàng và chủ trương phát triển kinh doanh của doanh nghiệp trong năm kế hoạch.

Dự toán chi phí QLDN cũng sẽ lập cho từng quý và từng loại sản phẩm. Căn cứ để lập là dự toán tiêu thụ, kế hoạch nhân sự và tiền lương, kế hoạch khấu hao TSCĐ và chi phí QLDN thực tế phát sinh năm trước.

Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Dự toán KQHĐKD của doanh nghiệp là một trong những bản dự toán chủ yếu trong hệ thống dự toán HĐKD của DNTM. Dự toán KQHĐKD của DNTM là sự kết hợp cả hệ thống các bản dự toán riêng lẻ. Dự toán này phản ánh kết quả kinh doanh dự kiến năm kế hoạch đồng thời là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm kế hoạch.

Căn cứ để lập dự toán này là: dự toán tiêu thụ, dự toán hàng hóa mua vào, dự toán chi phí bán hàng, dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp, thuế suất thuế TNDN.

Dự toán này được lập mỗi quý một lần và được chi tiết cho từng sản phẩm. Dự toán Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các quý sẽ được tổng hợp thành Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho cả năm.

Ta có thể thấy, việc xây dựng dự toán là một công việc quan trọng trong việc lập kế hoạch đối với tất cả các hoạt động kinh tế. Tất cả các doanh nghiệp nói chung và DNTM nói riêng đều phải lập kế hoạch tài chính để thực thi các hoạt động hàng ngày, cũng như các hoạt động trong tương lai dài hạn. Việc lập dự toán sẽ giúp cho các doanh nghiệp đảm bảo các kế hoạch và mục

tiêu của các bộ phận phù hợp với mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp, trên cơ sở đó doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả quản lý, từ đó có biện pháp thúc đẩy hiệu quả công việc.

1.3.2. Thu thập thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Yêu cầu của thông tin kế toán quản trị

Các thông tin kế toán cung cấp ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của nhà quản trị, do đó để đảm bảo chất lượng thông tin kế toán mang lại hiệu quả tốt nhất thì cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tính trung thực của thông tin kế toán: Các thông tin về mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận luôn là những thông tin đòi hỏi tính trung thực rất cao. Nó đảm bảo quyết định quản trị không bị chệch hướng, giúp nhà quản trị có thể lựa chọn sản phẩm kinh doanh, định giá sản phẩm, xác định chiến lược tiêu thụ sản phẩm, ...

Tính phù hợp, hiệu quả, kịp thời của thông tin kế toán: Yêu cầu này đòi hỏi các thông tin mà KTQT thu thập và xử lý phải liên quan đến mục tiêu và kế hoạch mà DN đặt ra.

Tính hợp pháp và ít tốn kém trong thu thập thông tin kế toán: Có nhiều nguồn thông tin khác nhau ở cả trong và ngoài doanh nghiệp mà kế toán quản trị phải cân nhắc khi lựa chọn thông tin để tổ chức xử lý thành thông tin hữu ích cho nhà quản trị doanh nghiệp với chi phí bỏ ra là thấp nhất hoặc có thể chấp nhận được. Nếu không có thể dẫn đến tình trạng thu thập được thông tin cần thiết nhưng chi phí bỏ ra quá lớn.

Tổ chức thu thập thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định.

Những thông tin mà KTQT cần tổ chức và thu thập là thông tin quá khứ và thông tin tương lai.

+ Tổ chức thu thập thông tin quá khứ

Thông tin quá khứ là thông tin về hiện tượng và sự kiện đã xảy ra, đã phát sinh. Thông tin quá khứ mà KTQT thu thập và cung cấp cho thấy tình hình hoạt động của DN trong các kỳ trước. Điều đó giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả của việc thực hiện các quyết định, đánh giá mức độ kiểm soát của chính nhà quản trị, làm cơ sở tiền đề để hoạch định các chính sách trong kỳ kế hoạch.

Phương pháp thu thập thông tin:

Tổ chức hạch toán ban đầu: Đây là khâu đầu tiên khi thu thập thông tin quá khứ. Hạch toán ban đầu được thực hiện thông qua việc lập các chứng từ kế toán. Lập và ghi chép đầy đủ, chính xác các sự kiện kinh tế phát sinh sẽ giúp cho các khâu tiếp theo tiến hành thuận lợi, đảm bảo cung cấp thông tin được nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu phù hợp, hữu ích và kịp thời.

Tổ chức tài khoản kế toán: Việc tổ chức tài khoản kế toán để thu thập thông tin quá khứ phục vụ cho việc ra quyết định cần được tiến hành một cách có hệ thống và khoa học vừa đảm bảo cung cấp thông tin chi tiết theo yêu cầu quản trị, vừa đảm bảo khả năng đối chiếu giữa thông tin chi tiết với thông tin tổng hợp liên quan của các đối tượng kế toán cụ thể. Để đáp ứng mục tiêu trên KTQT, cần căn cứ vào hệ thống tài khoản của Nhà nước ban hành, trên cơ sở mục đích và yêu cầu của quản lý chi tiết đối với từng đối tượng để mở các tài khoản chi tiết theo dõi từng đối tượng.

Sử dụng hệ thống sổ kế toán: Hệ thống sổ KTQT cần được thiết kế cụ thể mẫu sổ với số lượng các chỉ tiêu trên cụ thể được sắp xếp theo trình tự hợp lý và khoa học theo nhu cầu quản lý cũng như sự tiện lợi của việc trình bày, tổng hợp báo cáo sử dụng thông tin. Khi thiết kế mẫu sổ cần xem xét trình độ trang bị công nghệ xử lý thông tin ở doanh nghiệp, quá trình vận động của từng đối tượng và khả năng xử lý thông tin trong từng tình huống ra quyết định.

Lập báo cáo kế toán quản trị: Trên cơ sở toàn bộ thông tin đã tập hợp, KTQT thiết lập hệ thống báo cáo bao gồm: các báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ và báo cáo nhanh, báo cáo đột xuất...Hình thức kết cấu của báo cáo cần đa dạng, linh hoạt tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi báo cáo phục vụ cho từng tình huống cụ thể. Báo cáo cần được thiết kế dưới dạng so sánh được, phù hợp với những tình huống khác nhau.

+ Tổ chức thu thập thông tin tương lai

Thông tin tương lai là những thông tin về các hiện tượng và sự kiện chưa xảy ra. Để ra được quyết định nhà quản trị cần rất nhiều thông tin liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời cũng được thu thập theo nhiều cách khác nhau. Để thu thập thông tin thông tin tương lai, doanh nghiệp cần thực hiện theo các bước sau:

Hoạch định mục tiêu: nhà quản trị muốn có thông tin đem lại lợi ích thì thông tin đó phải có quan hệ trực tiếp đến vấn đề đặt ra của doanh nghiệp và đòi hỏi phải giải quyết. Việc thu thập thông tin sẽ rất tốn kém nếu hoạch định mục tiêu không rõ ràng hay sai lệch.

Lựa chọn nguồn thông tin: đây là giai đoạn thứ hai KTQT thực hiện để thu thập thông tin tương lai. Giai đoạn này KTQT phải xác định loại thông tin mà nhà quản trị doanh nghiệp quan tâm và PP thu thập thông tin có hiệu quả nhất. Tùy theo đó là thông tin sơ cấp hay thứ cấp hoặc cả hai mà kế toán thu thập, ghi chép và trình bày phù hợp.

Xử lý phân tích thông tin: KTQT tiến hành xử lý những thông tin đã thu thập được thành những thông tin kế toán hữu ích cho mục tiêu và quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Để xử lý các thông tin này KTQT áp dụng các phương pháp kế toán chung như: PP chứng từ, tính giá, đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối đồng thời kết hợp với các PP riêng của KTQT như: So sánh, đối chiếu thành các biểu đồ, đồ thị hay chương trình...

Lập và phân tích các báo cáo quản trị: Đây là khâu cuối cùng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp, khâu này cho ta biết KQHĐKD của doanh nghiệp cũng như các bộ phận, KTQT sau khi lập các báo cáo thì tiến hành phân tích báo cáo để đưa ra được những thông tin hữu ích cho các nhà quản trị.

Ra quyết định: Căn cứ vào các thông tin kế toán được cung cấp trên các báo cáo quản trị kết hợp với các mục tiêu kế hoạch mà doanh nghiệp đặt ra trong từng thời kỳ cụ thể mà nhà quản trị đưa ra các quyết định kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp.

1.3.3. Phân tích thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phục vụ cho việc ra quyết định

Để cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh một cách đầy đủ cho các nhà quản trị doanh nghiệp, làm cơ sở để đề ra quyết định kinh doanh đúng đắn, ngoài việc đánh giá chung tình hình thực hiện dự toán về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh còn phải tiến hành phân tích một số nội dung khác có liên quan như phân tích tình hình thực hiện dự toán trên một số khoản mục và yếu tố chi phí chủ yếu, mối quan hệ Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận.

Bằng cách hệ thống hóa các chỉ tiêu phân tích nhằm đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí hoạt động kinh doanh cả về “lượng” và “giá”, tình hình biến động (cả về quy mô, cơ cấu) của từng khoản mục, để so sánh giữa các kỳ cũng như so sánh với dự toán, từ đó phát hiện các chênh lệch giữa dự toán và thực tế, biến động giữa các kỳ, tiếp đó xem xét ảnh hưởng của các nhân tố và các nguyên nhân trong bản thân từng nhân tố. Mỗi loại biến động của khoản mục chi phí lại được phân tích chi tiết theo biến động về giá và biến động về lượng.

Việc cung cấp thông tin phù hợp về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của phương án kinh doanh là căn cứ quan trọng cho các nhà quản trị khi phân tích, so sánh và đưa ra các quyết định hợp lý, kịp thời. Thông tin phải có liên quan đến tương lai vì các quyết định phục vụ cho hoạt động kinh doanh sắp diễn ra. Đồng thời, thông tin phải có sự khác biệt giữa các phương án và phải phù hợp với từng loại quyết định trong doanh nghiệp. Các khoản chi phí cũng được cân nhắc lựa chọn cho sự phù hợp của các thông tin. Các khoản chi phí chìm và khoản thu chi không chênh lệch không tạo sự khác biệt giữa các phương án được coi là không phù hợp.

Biết cách phân tích này giúp nhà quản trị xử lý một số quyết định hay gặp như: Chấp nhận hay từ chối đơn hàng, Duy trì hay loại bỏ một bộ phận,....

Có thể kết luận rằng, phân tích mối quan hệ này giúp doanh nghiệp đưa ra được các quyết định trong kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận như: Lựa chọn sản phẩm, giá bán, định mức chi phí là bao nhiêu,.. để từ đó có được những quyết định của nhà quản trị mang lại hiệu quả kinh tế lớn nhất cho doanh nghiệp.

Kết luận Chương 1

Trong chương 1, tác giả đã tập trung làm rõ những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Qua việc tổng quan lại những vấn đề lý luận cơ bản của công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại, luận văn đã làm rõ được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, kế toán chi phí, kế toán kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thương mại nói riêng.

Những vấn đề lý luận cơ bản đã trình bày ở chương 1 là nền tảng quan trọng để đối chiếu, đánh giá những quy định pháp lý về công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Đồng thời, cũng là cơ sở để nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL, qua đó, cung cấp các luận cứ cần thiết để đề xuất các giải pháp, điều kiện hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

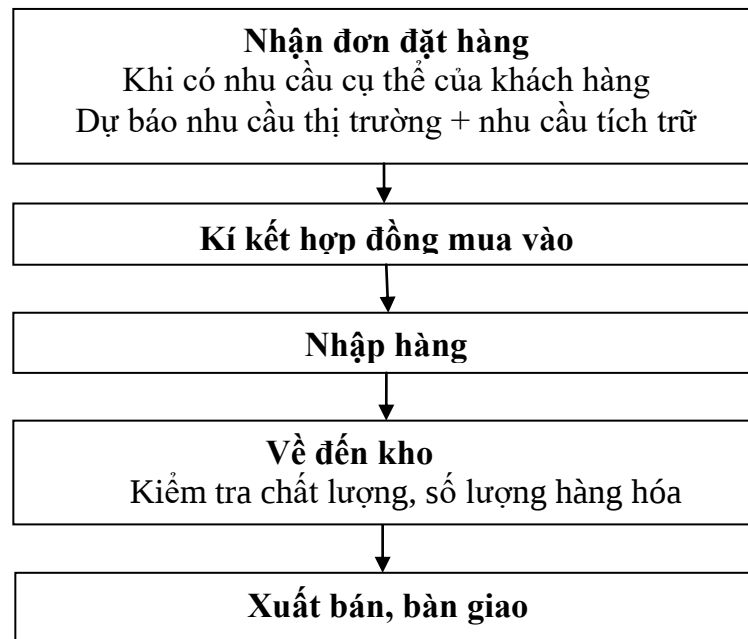
Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL**

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn
- Đại diện theo pháp luật: Ông Yoo Sung Bum
- Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Địa chỉ: Cống Keo – Phố Keo, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy ĐKKD số: 0105003819 do Sở KH&ĐT HN cấp lần đầu ngày 22/11/2010
- Vốn điều lệ: 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn).
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
 - + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

2.1.2. Đặt điểm hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL chuyên cung cấp các loại dầu công nghiệp phục vụ cho nhiều mục đích của khách hàng như dầu làm mát, dầu thủy lực, dầu cắt gọt, chất tẩy rửa.

Quy trình kinh doanh của công ty:



Sơ đồ 2. 1: Quy trình kinh doanh của Công ty

Bảng 2. 1: Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính của Công ty

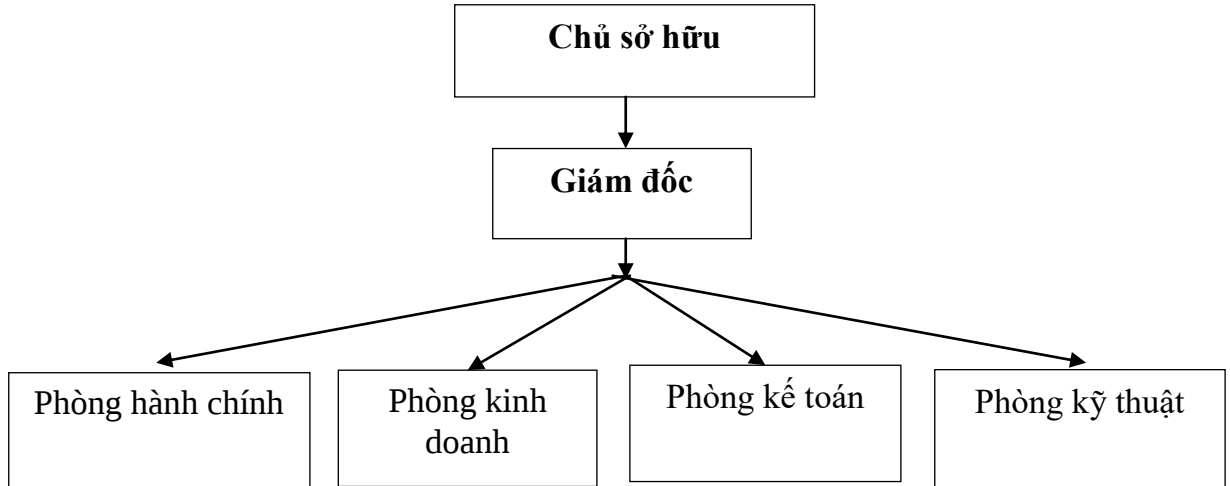
ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng tài sản	4.327.219.699	3.295.740.285	1.758.123.565
Vốn chủ sở hữu	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Khoản phải thu khách hàng	2.269.828.573	1.665.773.886	480.171.981
Hàng tồn kho	1.444.572.470	1.233.213.978	262.828.338
Phải trả người bán	2.031.723.643	790.885.279	69.300.000
Số lao động (người)	7	8	6
Tổng doanh thu	9.307.966.466	11.147.475.730	5.773.452.085
Tổng chi phí	9.062.391.825	10.586.992.769	5.989.868.333
Lợi nhuận trước thuế TNDN	245.574.641	560.482.961	(216.416.248)

(Nguồn: BCTC của Công ty qua các năm)

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty:



Sơ đồ 2. 2: Mô hình tổ chức quản lý của Công ty

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại XNK dầu công nghiệp TECTYL)

Chức năng, nhiệm vụ:

Chủ sở hữu: Chủ sở hữu có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. có toàn quyền nhân danh doanh nghiệp để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của doanh nghiệp: chiến lược phát triển, tiếp thị và công nghệ, hoạt động tín dụng với nhà cung cấp- khách hàng- ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm giám đốc, phó giám đốc và các cấp quản lý.

Giám đốc: Là đại diện pháp luật, điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước chủ doanh nghiệp về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phòng hành chính: Xây dựng chương trình kế hoạch, quy mô cán bộ, tham mưu cho chủ doanh nghiệp, giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và phân công các cán bộ lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp.

Phòng kinh doanh: Có chức năng tham mưu giúp lãnh đạo doanh nghiệp trong công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai nhiệm vụ kinh

doanh của toàn doanh nghiệp và tổ chức mạng lưới kinh doanh; kết hợp với phòng kỹ thuật quản lý kỹ thuật chất lượng hàng hóa mà doanh nghiệp kinh doanh.

Phòng kế toán: Thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán, bên cạnh đó còn phối hợp cùng phòng kinh doanh để tiến hành thu tiền từ các hợp đồng đã ký với khách hàng sau khi tiến hành các thao tác kỹ thuật bàn giao cho khách hàng.

Phòng kỹ thuật: Thiết kế, triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm làm cơ sở để hạch toán, ký kết các hợp đồng kinh tế; theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa khi mua vào hoặc xuất ra; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

Hiện nay, Công ty đang tổ chức công tác kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hệ thống chứng từ, hệ thống sổ kế toán đều tuân thủ các quy định của chế độ kế toán DN thống nhất về số lượng chứng từ, sổ kế toán, cách lập, cách ghi sổ, trình độ luân chuyển chứng từ và ghi sổ.

Hệ thống BCTC bao gồm các BCTC theo quy định như: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo KQHĐKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh BCTC,...

Niên độ kế toán được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Phương pháp khấu hao TSCĐ được sử dụng là khấu hao đường thẳng, công ty tính và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, giá hàng hóa xuất kho là giá bình quân gia quyền

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính

2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu

2.2.1.1. Phân loại doanh thu

Về cơ bản, doanh thu và thu nhập đều được xác định theo quy định tại chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập” và Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ trưởng BTC. Doanh thu phát sinh tại doanh nghiệp chủ yếu bao gồm: doanh thu hoạt động BH&CCDV, doanh thu HĐTC, thu nhập khác.

Doanh nghiệp chủ yếu thực hiện phân loại doanh thu theo tình hình HĐKD, bao gồm: doanh thu bán hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu BH & CCDV là doanh thu chính của doanh nghiệp. Đây là số tiền đã thu hoặc sẽ thu từ việc bán các hàng hóa là máy móc, thiết bị điện dùng trong công nghiệp; các dịch vụ trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Để theo dõi doanh thu BH&CCDV, doanh nghiệp phân loại doanh thu này theo tình hình hoạt động kinh doanh. Theo cách phân loại này, doanh thu BH&CCDV sẽ được phân ra làm 2 loại: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa: Là số tiền thu được từ việc bán hàng hóa của DN: dầu công nghiệp, dầu làm mát, dầu cắt gọt, mỡ bôi trơn,....

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là số tiền thu được từ việc hỗ trợ kinh doanh, môi giới,....

Tại kì nghiên cứu, công ty không phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ, vì thế doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được hiểu là doanh thu bán hàng.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu HĐTC chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp tiến hành doanh thu tài chính thành 3 loại, cụ thể:

- + Lãi tiền gửi ngân hàng: Phản ánh số tiền lãi đã thu được từ hoạt động gửi tiền ở ngân hàng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái: Phản ánh số tiền đã thu được do lãi tỷ giá hối đoái.
- + Doanh thu HĐTC khác: Phản ánh toàn bộ số tiền đã thu được từ chiết khấu thanh toán được hưởng,...

Tuy nhiên, tác giả chỉ tập trung phản ánh thực trạng và phân tích thực trạng doanh thu HĐTC phát sinh từ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.2.1.2. Nội dung kế toán doanh thu

- **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chứng từ phản ánh doanh thu BH&CCDV:

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng mua bán, hợp đồng cung cấp dịch vụ,
- Phiếu xuất kho, lệnh xuất kho,
- Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có, ...

Đề hạch toán doanh thu BH&CCDV, kế toán tại Công ty đã sử dụng tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, với hai tiểu khoản chi tiết là tiểu khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa và tiểu khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó, kế toán cũng sử dụng các tài khoản khác có liên quan đến nghiệp vụ ghi nhận doanh thu tại doanh nghiệp như: TK 111, TK 1121, TK 131, TK 3331,...

Kế toán đã sử dụng các sổ sách để theo dõi, phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký bán hàng, sổ chi tiết TK 511, sổ cái TK 511, bên cạnh đó còn các sổ cái và sổ chi tiết các tài khoản liên quan.

Tại công ty, thời điểm ghi nhận doanh thu thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, hoàn thành dịch vụ, phát hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Với các giao dịch khách hàng đặt cọc 1 phần giá trị hợp đồng, kế toán ghi nhận ngay khoản tiền ứng trước đó vào doanh thu.

Kế toán sẽ căn cứ vào phiếu xuất kho (*Phụ lục số 12*) và hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng (*Phụ lục số 13*) để lập hoá đơn GTGT (*Phụ lục số 14*) cho bên mua. Đồng thời khi giao hàng cho khách hàng thì bộ phận kinh doanh làm biên bản bàn giao xác nhận hàng đã được giao cho bên mua.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (*Phụ lục số 15*) , đồng thời kế toán cũng ghi nhận nghiệp vụ vào sổ chi tiết TK 5111 (*Phụ lục số 16*). Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào Sổ Cái (*Phụ lục số 17*).

• **Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Căn cứ giấy báo có của ngân hàng, hợp đồng mua bán ngoại tệ với ngân hàng, giấy nộp tiền vào tài khoản, bảng thông báo tỷ giá của ngân hàng thương mại, bảng thông báo tỷ giá bình quân liên ngân hàng;...kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính và các tài khoản khác liên quan (111, 1121, 413, 911, 3387,...) để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính.

Để phản ánh kế toán doanh thu tài chính, kế toán sử dụng các sổ kế toán sau để theo dõi: Sổ chi tiết TK 515; sổ Nhật ký chung; sổ cái TK 515; sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung , căn cứ số liệu ghi trên sổ nhật ký chung ,

sổ chi tiết tài khoản 515 (*Phụ lục số 18*), sổ cái tài khoản 515 (*Phụ lục số 19*).

- **Kế toán thu nhập khác**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT liên quan đến việc bán TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, phiếu thu, giấy báo có, v.v...kế toán xác định thu nhập khác trong doanh nghiệp.

Để phản ánh các khoản thu nhập khác, kế toán sử dụng: Sổ chi tiết TK 711, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 711, Sổ chi tiết và sổ cái các TK liên quan.

Kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ liên quan để vào sổ Nhật ký chung ,sau đó ghi nhận vào sổ chi tiết tài khoản 711 và sổ cái tài khoản 711.

2.2.2. Thực trạng kế toán chi phí

2.2.2.1. Phân loại chi phí

Qua kết quả khảo sát, Công ty áp dụng cách phân loại chi phí theo khoản mục chi phí để phục vụ cho yêu cầu của KTTC, bao gồm: GVHB, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác.

Giá vốn hàng bán: Bao gồm toàn bộ chi phí để có được hàng hóa sẵn sàng để bán (chi phí mua hàng,...)

Chi phí tài chính: Bao gồm chi phí về lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lãi bán trả chậm; lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái; ...

Chi phí bán hàng: Đây là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa. Bao gồm có chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

Cụ thể chi phí bán hàng tại doanh nghiệp bao gồm lương và các khoản trích theo lương của nhân viên kinh doanh, chi phí ăn giữa ca, công tác phí, chi phí quảng cáo, tiếp thị, hội nghị khách hàng, điện thoại, chi phí đi lại, chi phí tiếp khách, chi phí khác, khấu hao TSCĐ, chi phí thuê mặt bằng kinh doanh, chi phí dịch vụ mua ngoài, hàng hóa dịch vụ sử dụng nội bộ, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Đây là chi phí phát sinh liên quan đến công tác quản lý chung của toàn DN, những chi phí này được theo dõi chi tiết theo từng khoản mục và chiếm một tỷ trọng khá lớn trong chi phí kinh doanh.

Cụ thể, chi phí QLDN tại doanh nghiệp bao gồm chi phí trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ), chi phí vật liệu (công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, xăng dầu xe đi công tác...), chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuế phí lệ phí (thuế môn bài, lệ phí bảo hiểm ô tô, các khoản phí lệ phí khác), các chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, thuê TSCĐ, thuê ngoài sửa chữa, dịch vụ mua ngoài khác), chi phí khác bằng tiền (hội nghị, tiếp khách, công tác phí, kinh phí đào tạo, chi phí y tế, bảo vệ tự vệ, quốc phòng quân sự địa phương, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm sinh mạng, chi phí điện thoại của toàn doanh nghiệp, chi phí kiểm toán),...

2.2.2.2. Nội dung kế toán chi phí

- **Kế toán giá vốn hàng bán**

Công tác tập hợp và hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty tuân thủ tốt quy định hiện hành.

Kế toán dựa vào Hóa đơn GTGT, bảng kê bán hàng, bảng kê phiếu mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản kiểm nhận hàng hóa, ngoài ra còn có tờ khai hàng hóa nhập khẩu, tờ khai trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu, biên bản chứng nhận của Cục Hải Quan, Biên lai thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và thuế GTGT hàng nhập khẩu....(đối với hàng nhập khẩu) để làm căn cứ hạch toán, ghi nhận giá vốn.

Doanh nghiệp mở tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” để theo dõi và hạch toán giá vốn. Kế toán viên sử dụng sổ nhật ký mua hàng, nhật ký bán hàng, sổ chi tiết TK 632, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ chi tiết và sổ cái các TK liên quan để phản ánh và ghi nhận giá vốn hàng bán.

Hiện nay, doanh nghiệp xác định trị giá vốn hàng xuất kho để bán theo phương pháp thực tế đích danh. Khi mua hàng hóa, căn cứ bộ chứng từ của hàng hóa mua vào, kế toán ghi nhận giá gốc hàng hóa.

Giá gốc hàng hóa tại doanh nghiệp được xác định như sau:

Hàng hóa mua trong nước

$$\text{Giá nhập} = \frac{\text{Giá trị trên}}{\text{hóa đơn}} + \frac{\text{CP vận chuyển}}{\text{bốc dỡ}} - \text{Các khoản giảm giá}$$

Hàng hóa nhập khẩu

$$\text{Giá nhập} = \frac{\text{Giá mua hàng}}{\text{trên tờ khai}} + \frac{\text{Thuế nhập khẩu}}{\text{khẩu}} + \frac{\text{Thuế TTĐB}}{\text{(nếu có)}} - \text{Các khoản giảm giá}$$

Khi nhận được yêu cầu về hàng hóa của khách hàng, kế toán căn cứ hóa đơn GTGT hàng hóa mua vào, hóa đơn vận chuyển hàng hóa để xác định giá vốn hàng bán ra, phiếu xuất kho, kế toán sẽ ghi nhận vào sổ chi tiết TK 632 và sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào sổ cái TK 632 (*Phụ lục số 20*).

• Kế toán chi phí tài chính

Các HĐTC tại doanh nghiệp là các hoạt động liên quan đến tiền vay; chi phí thanh toán, chi phí mở thư tín dụng khi mua hàng hóa nhập khẩu; chi phí do chênh lệch TGHĐ; chiết khấu thanh toán cho khách hàng,... Tuy nhiên, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu kế toán chi phí tài chính của doanh nghiệp do chênh lệch TGHĐ.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán ngoại tệ với ngân hàng, giấy nộp tiền vào tài khoản, bảng thông báo tỷ giá của ngân hàng thương mại, bảng thông báo tỷ giá bình quân liên ngân hàng... kế toán tại doanh nghiệp ghi nhận các khoản chi phí tài chính.

Kế toán phản ánh các khoản chi phí tài chính vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính và các tài khoản khác liên quan (111, 1121, 1122, 156, 131, 211, 331,...)

Khi có đủ các chứng từ chứng minh việc phát sinh lỗ do chênh lệch TGHĐ, kế toán sẽ ghi nhận vào sổ chi tiết tài khoản 635 và sổ nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên sổ nhật ký chung, kế toán sẽ ghi nhận vào sổ cái TK 635 (*Phụ lục số 21*).

- **Kế toán chi phí bán hàng**

Chứng từ phản ánh chi phí bán hàng: Theo số liệu khảo sát, chứng từ phản ánh chi phí bán hàng của doanh nghiệp bao gồm các chứng từ phản ánh chi phí phát sinh ở bộ phận bán hàng như:

- Chi phí về tiền lương cho nhân viên bán hàng (bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán tiền thưởng năm, bảng thanh toán tiền thưởng năng suất, phiếu báo làm việc ngoài giờ, bảng thanh toán tiền làm thêm giờ, bảng thanh toán tiền ăn giữa ca, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, giấy nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội...),

- Chi phí vận chuyển hàng hóa, chi phí kho bãi, cầu cảng khi mua hàng hóa nhập khẩu (Hợp đồng, hóa đơn vận chuyển, kho bãi,...).

- Thanh toán các dịch vụ mua ngoài (hóa đơn tiền điện, hóa đơn tiền nước, hóa đơn tiền tiếp khách, hóa đơn vận chuyển bốc dỡ,..),

- Thanh toán các chi phí khác (giấy đi đường, hóa đơn thuê phòng nghỉ, các HĐ&TLHĐ liên quan đến quảng cáo,...),

- Các bảng phân bổ chi phí (bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ..).

Tài khoản phản ánh chi phí bán hàng mà doanh nghiệp sử dụng là: TK 6421- Chi phí bán hàng và các tài khoản khác liên quan (TK 111, TK 112, TK 214, TK 242, TK 334, TK 338...)

Để phản ánh chi phí bán hàng, kế toán sử dụng sổ chi tiết TK 6421, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 6421, sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản liên quan (TK 111, TK 112, TK 214, TK 242, TK 334,...)

Chi phí bán hàng ở doanh nghiệp được tính chung cho toàn bộ hàng hóa chứ không phân bổ riêng cho từng loại hàng hóa.

Hàng tháng căn cứ vào các chứng từ phản ánh chi phí bán hàng, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, các chi phí dịch vụ mua ngoài sử dụng cho bộ phận bán hàng. Kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 6421 (*Phụ lục số 22*), sổ nhật ký chung và vào sổ cái tài khoản 642.

• **Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chứng từ phản ánh chi phí QLDN bao gồm:

- Chi phí về tiền lương cho cán bộ và nhân viên QLDN (bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán tiền thưởng năm, bảng thanh toán tiền thưởng năng suất, bảng thanh toán tiền làm thêm giờ, bảng thanh toán tiền ăn giữa ca, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, giấy nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội...),

- Chi phí thuê cửa hàng (Hợp đồng thuê, phiếu chi, ủy nhiệm chi,...)

- Thanh toán các dịch vụ mua ngoài (hóa đơn tiền điện, hóa đơn tiền nước, hóa đơn tiền tiếp khách, hóa đơn mua thuốc y tế, ..),

- Thanh toán các chi phí khác (giấy đi đường, hóa đơn thuê phòng nghỉ, giấy nộp thuế môn bài, hợp đồng bảo hiểm xe ô tô, hợp đồng thuê kiểm toán nội bộ,...),

- Các bảng phân bổ chi phí (bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ công cụ dụng cụ..).

Để theo dõi chi phí QLDN, kế toán viên tại doanh nghiệp sử dụng TK 642 “chi phí quản lý doanh nghiệp” và các tài khoản khác liên quan như TK 111, 112, 331, 334, 211,...

Để phản ánh chi phí QLDN, kế toán sử dụng sổ cái TK 6422, sổ chi tiết TK 642, sổ nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái TK 334 và sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan (TK 111, TK 112, TK 331, TK 334,..)

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ phản ánh chi phí QLDN kế toán vào sổ chi tiết TK 6422 (*Phụ lục số 23*), sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 642.

- **Chi phí khác:**

Tại doanh nghiệp, các khoản chi phí được hạch toán vào chi phí khác là chi phí tuyên truyền huấn luyện, phí tuyên truyền phòng chống cháy nổ, chi phí thanh lý TSCĐ,...

Chứng từ phản ánh chi phí khác: Phiếu chi, giấy báo nợ, sổ theo dõi tình hình khấu hao TSCĐ, hóa đơn GTGT...

Kế toán viên sử dụng tài khoản 811 và các tài khoản khác liên quan (TK 111, 112, 214, 211,...) để theo dõi các khoản chi phí khác phát sinh tại doanh nghiệp. Kế toán sẽ phản ánh các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí khác vào sổ chi tiết TK 811, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan (TK 111, TK 112, TK 711,...)

Nội dung kế toán chi phí khác:

Kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ liên quan để tiến hành vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết và sổ cái tài khoản 811.

2.2.3. Thực trạng kế toán kết quả kinh doanh

2.2.3.1. Đặc điểm kết quả kinh doanh

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL tiến hành xác định KQKD theo năm. Lợi nhuận thuần từ HĐKD của doanh nghiệp được xác định bằng cách kết chuyển toàn bộ doanh thu thuần và giá vốn của hàng hóa, dịch vụ của tất cả các loại HĐKD cùng với

chi phí bán hàng, chi phí QLDN, doanh thu HĐTC, chi phí HĐTC sang TK 911 để cân đối giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.

Để phục vụ cho công tác quản lý, DN chủ yếu phân loại kết quả kinh doanh theo cách thức phản ánh của KTTC, bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Để xác định được kết quả của hoạt động BH&CCDV, trước hết Công ty xác định được doanh thu thuần về BH &CCDV theo công thức sau:

DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ DT

Bảng 2. 2: Xác định doanh thu thuần về BH&CCDV của Công ty

ĐVT: VNĐ

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
1: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.147.475.730	5.773.452.085
2: Các khoản giảm trừ doanh thu	0	115.089.700
3: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (1) – (2)	11.147.475.730	5.658.362.700

(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty qua các năm)

Sau đó, doanh nghiệp tiến hành xác định lợi nhuận gộp về BH&CCDV theo công thức:

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Bảng 2. 3: Xác định lợi nhuận gộp về BH&CCDV của Công ty*ĐVT: VNĐ*

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
3: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (1) – (2)	11.147.475.730	5.658.362.700
4: Giá vốn hàng bán	7.966.583.985	4.344.759.713
5: Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3) – (4)	3.180.891.745	1.313.602.672

*(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty qua các năm)**Với hoạt động tài chính:*

Với HĐTC, doanh thu xác định kết quả HĐTC bằng số chênh lệch giữa doanh thu HĐTC với chi phí thuộc HĐTC, được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ) từ hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

Bảng 2. 4: Xác định lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính của Công ty*ĐVT: VNĐ*

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
6: Doanh thu hoạt động tài chính	4.949.869	3.264.295
7: Chi phí hoạt động tài chính	7.288.545	1.537.414
8: Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính	(2.338.676)	1.726.881

(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty qua các năm)

Sau khi xác định được lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả của HĐTC, Công ty tiến hành xác định lợi nhuận thuần từ HĐKD qua công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{LN thuần} & = & \text{LN gộp về} & + & \text{Lãi (lỗ)} & - & \text{Chi} \\ \text{từ HĐKD} & & \text{BH\&CCDV} & & \text{từ} & & \text{phí} \\ & & & & \text{HĐTC} & & \text{BH} \\ & & & & & & + \text{Chi phí} \\ & & & & & & \text{QLDN} \end{array}$$

Dựa vào kết quả kinh doanh, doanh nghiệp sẽ tiến hành phân tích các chỉ tiêu tài chính cần thiết để đánh giá kết quả hoạt động của mình, phát hiện và phân tích ưu điểm, nhược điểm và đưa ra một số quyết định khắc phục, cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

2.2.3.2. Nội dung kế toán kết quả kinh doanh

- *Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp*

Căn cứ để kế toán xác định khi theo dõi và phản ánh thuế TNDN tại doanh nghiệp là tờ khai tự quyết toán thuế TNDN năm.

Doanh nghiệp mở tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiểu khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành) để theo dõi chi phí thuế TNDN tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng sử dụng các tài khoản khác liên quan: 3334, 911, ...

Doanh nghiệp sử dụng sổ chi tiết TK 3334, sổ chi tiết TK 821, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 3334, sổ cái TK 821, sổ chi tiết và sổ cái các TK liên quan để phản ánh chi phí thuế TNDN.

Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế TNDN năm, kế toán hạch toán vào TK 8211 số thuế TNDN phải nộp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK 911 để xác định KQKD. Mỗi nghiệp vụ phát sinh, kế toán sẽ phản ánh vào sổ chi tiết TK 821, sau đó kế toán ghi nhận vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 821.

- *Kế toán kết quả kinh doanh*

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp dựa vào các sổ sách kế toán phản ánh doanh thu (sổ cái tài khoản 511, sổ cái tài khoản 515, sổ cái tài khoản 711) và các sổ sách kế toán để ghi nhận và phản ánh chi phí phát sinh trong kỳ tại doanh nghiệp (sổ cái tài khoản 632, sổ cái tài khoản 635, sổ cái tài khoản 641, sổ cái tài khoản 642, sổ cái tài khoản 811,...).

Kế toán mở TK 911 – xác định kết quả kinh doanh để ghi nhận và phản ánh kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bên cạnh đó, kế toán viên cũng sử dụng các tài khoản khác liên quan như TK 821, 5111, 5113, 515, 632, 635, 642, 641,...

Sổ sách kế toán sử dụng để theo dõi kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là: Sổ chi tiết TK 911; sổ Nhật ký chung; sổ cái TK 911; sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ, trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí khác, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Sau đó kế toán vào sổ chi tiết TK 911 (*Phụ lục số 24*), sổ nhật ký chung và sổ cái TK 911

2.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán quản trị

2.3.1. Xây dựng dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Qua khảo sát cho thấy, hàng năm doanh nghiệp mới chỉ tiến hành xây dựng “Kế hoạch kinh doanh” (*Phụ lục số 25 và Phụ lục số 26*) cho HĐKD của doanh nghiệp.

“Kế hoạch kinh doanh” thực chất là kế hoạch tổng thể chưa đáp ứng được nhu cầu về KTQT. Các dự toán chi tiết chưa được công ty tiến hành xây dựng.

“Kế hoạch kinh doanh” của DN được lập theo mô hình 1 lên - 1 xuống. Theo đó, doanh nghiệp xây dựng các dự toán căn cứ vào số liệu thực hiện các kỳ trước. Thực tế công tác xây dựng, quản lý và sử dụng “Kế hoạch kinh doanh” về doanh thu, chi phí, KQKD ở doanh nghiệp mới chỉ đáp ứng được yêu cầu của công tác KTTC, chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị DN.

Hiện nay, việc xây dựng, quản lý và sử dụng “Kế hoạch kinh doanh” về doanh thu, chi phí, KQKD thực tế ở doanh nghiệp chưa có sự tham gia tích cực có hiệu quả của bộ phận kế toán. Do đó, doanh nghiệp muốn thiết lập “Kế hoạch kinh doanh” nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cho từng bộ phận, hoặc toàn doanh nghiệp thì sẽ không có được những căn cứ vững chắc.

2.3.2. Thu thập thông tin về việc ghi nhận, phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Công ty ghi nhận, phản ánh doanh thu, chi phí, KQKD theo đúng những nguyên tắc trong chuẩn mực kế toán Việt Nam, áp dụng đúng chế độ kế toán Việt Nam, cụ thể là Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016.

Doanh nghiệp bước đầu đã tiến hành thu thập và phân tích thông tin về doanh thu, chi phí, KQKD. Hình thức phân tích chủ yếu mới chỉ dừng lại ở mức độ so sánh số liệu thực tế với số liệu năm trước và số liệu kế hoạch đối với một số chỉ tiêu chủ yếu như doanh thu, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, tổng doanh thu, tổng chi phí... Những báo cáo phân tích này chưa có sự đánh giá tính hiệu quả của chi phí nhất là các chi phí trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Thực tế khảo sát cho thấy, kể cả thông tin thực hiện và thông tin dự đoán tương lai DN bỏ qua không xác định, cũng không phân tích điểm hòa vốn. Vì chưa thực hiện phân loại chi phí thành biến phí, định phí nên việc phân tích mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận tại DN chưa được thực hiện.

Hiện nay, Công ty vẫn chưa xây dựng được một hệ thống chỉ tiêu quản trị phản ánh toàn diện các khía cạnh quản lý doanh thu, chi phí, KQKD làm cơ sở cho công tác tập hợp và phân tích thông tin. Các báo cáo về thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty đều được lập theo các khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực trong KTTC. Chính vì vậy, thông tin trên báo cáo chi tiết không thỏa mãn được nhu cầu thông tin của nhà quản trị.

Hiện nay, Công ty đang sử dụng chủ yếu các báo cáo sau: Báo cáo phân tích một số chỉ tiêu tài chính, Báo cáo thực hiện kế hoạch doanh thu. Những báo cáo này chưa cung cấp đầy đủ thông tin để phục vụ cho chức năng hoạch định, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Các báo cáo chi tiết này được lập định kỳ như BCTC, vì vậy nó thường không đáp ứng được tính kịp thời của thông tin để ra quyết định quản lý hiệu quả.

2.3.3. Thực trạng kế toán quản trị về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Qua khảo sát thực tế tại đơn vị, công tác KTQT nói chung, kế toán quản trị doanh thu, chi phí, KQKD nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, bước đầu mới thực hiện một số nội dung của kế toán quản trị.

Công ty chưa có bộ phận kế toán thực hiện công việc của một kế toán quản trị, các nhân viên kế toán tài chính thực hiện luôn những phần hành của kế toán quản trị. Công ty cũng chưa thực hiện đầy đủ công tác KTQT, chưa hiểu đúng, chưa đánh giá được hết tầm quan trọng của công tác KTQT.

Khi được phỏng vấn doanh nghiệp xác định là đã thực hiện công tác KTQT, tuy nhiên khi tác giả nghiên cứu thực trạng thì doanh nghiệp mới chỉ dừng lại ở bước đầu đầu thực hiện một số nội dung kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định KQKD như lập kế hoạch tiêu thụ, kế hoạch mua hàng hóa, các báo cáo phân tích chỉ tiêu tài chính, báo cáo thực hiện kế hoạch doanh thu, v.v.... Việc thực hiện công tác KTQT mang tính tự phát, chưa được định hình rõ nét, chưa có sự phân công trách nhiệm một cách cụ thể.

2.3.4. Phân tích các thông tin doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phục vụ yêu cầu quản trị

Qua khảo sát thực tế cho thấy, báo cáo KTQT của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL thực chất chính là báo cáo chi tiết của BCTC. Những báo cáo này được lập chủ yếu là chi tiết một số chỉ tiêu mà trên các BCTC chưa thể hiện được, nhằm giúp nhà quản trị DN có thêm thông tin về tình hình HĐKD của doanh nghiệp. Vì vậy, những báo cáo kế toán chi tiết chưa thực hiện được thông tin hữu ích nhất phù hợp với nhu cầu của nhà quản trị về kết quả kinh doanh của công ty.

2.4. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty

2.4.1. Kết quả đạt được

Thông qua những nghiên cứu và khảo sát thực tế về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và KQKD tại Công ty có thể đánh giá chung về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty:

Công ty đã ý thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và KQKD với việc phục vụ yêu cầu quản lý và sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và KQKD tại doanh nghiệp về cơ bản đã chấp hành nghiêm chỉnh về Luật kế toán, tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán và vận dụng tốt chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (Thông tư số 133/2016/TT-BTC của Bộ trưởng BTC).

Tại doanh nghiệp, hệ thống tài khoản và sổ kế toán đang được áp dụng tuân thủ chế độ kế toán (Thông tư 133/2016/TT-BTC). Việc vận dụng hệ thống tài khoản và sổ kế toán cơ bản là thống nhất. Doanh nghiệp thực hiện mở tài khoản chi tiết các cấp cho tài khoản này theo đúng quy định.

KQKD được doanh nghiệp thực hiện khá khoa học, quy định cụ thể rõ ràng về nguyên tắc lập, nguyên tắc kiểm tra các chứng từ trong một số các giao dịch chủ yếu. Quy trình luân chuyển chứng từ cơ bản phù hợp với đặc thù tổ chức quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo cho việc tập hợp, sử dụng và kiểm tra chứng từ trong các giao dịch chủ yếu. Công tác bảo quản và lưu trữ chứng từ cũng đã được thực hiện theo quy định.

Công tác KTTC tại doanh nghiệp đã ứng dụng công nghệ thông tin giúp ích rất nhiều cho DN trong việc nâng cao chất lượng thông tin kế toán, tiết kiệm chi phí, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý.

Công tác KTQT tại doanh nghiệp bước đầu đã được các nhà quản lý quan tâm và ý thức được tầm quan trọng. Doanh nghiệp đã quan tâm đến việc xây dựng và sử dụng kế hoạch kinh doanh, góp phần không nhỏ vào việc tăng cường công tác quản lý của doanh nghiệp.

Hệ thống BCTC đã được lập theo đúng quy định, doanh nghiệp còn có thêm một số báo cáo KTQT. Việc lập và công khai thông tin về doanh thu, chi phí và KQKD của doanh nghiệp về cơ bản thực hiện khá tốt, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan chức năng: cơ quan tài chính, cơ quan thuế.

2.4.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí, KQKD tại Công ty còn có một số những tồn tại sau:

Dưới góc độ kế toán tài chính:

Thứ nhất, kế toán doanh thu:

- Việc hạch toán và ghi nhận doanh thu ở một số nghiệp vụ còn chưa đảm bảo điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (tiền khách hàng đặt tiền trước hạch toán vào tăng doanh thu).

- Chứng từ sử dụng để ghi nhận doanh thu tại doanh nghiệp trong một số trường hợp chưa đảm bảo đúng quy định. Việc ghi chép trên hóa đơn chứng từ vẫn xảy ra hiện tượng tẩy, xóa, quên không ghi ngày tháng hoặc ký người mua hàng,...

Thứ hai, về kế toán chi phí việc xác định và hạch toán một số nội dung chi phí chưa đúng với quy định:

- Hiện tại doanh nghiệp đang hạch toán chi phí vận chuyển nội địa, bốc dỡ hàng hóa,... của hàng hóa nhập khẩu là chi phí bán hàng trong khi những chi phí này phải ghi nhận vào giá gốc hàng hóa. Việc xác định không đúng giá trị hàng hóa nhập kho gây ảnh hưởng đến việc tập hợp và xác định giá vốn, bên cạnh đó khoản chi phí bán hàng lại quá cao so với thực tế.

- Chi phí thuê kho được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong khi chính xác khoản chi phí này phải được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Những khoản mục chi phí xác định nội dung chưa chính xác, nhầm lẫn giữa các khoản mục chi phí làm giảm tính chính xác thông tin về giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác, ảnh hưởng đến quyết định quản trị của doanh nghiệp.

Dưới góc độ kế toán quản trị:

- Công tác KTQT chưa được chú trọng, doanh nghiệp chưa thực hiện việc xây dựng dự toán doanh thu, chi phí, KQKD chưa đáp ứng được yêu cầu của KTQT.

- Báo cáo KTQT chưa thể hiện được chức năng phân tích của báo cáo KTQT. Vì vậy, tác dụng định hướng cho nhà quản trị DN trong việc ra quyết định bị nhiều hạn chế.

- Việc phân tích mới chỉ dừng lại ở việc so sánh giữa kế hoạch và thực hiện một số yếu tố chi phí thông qua Báo cáo phân tích một số chỉ tiêu tài chính.

- Doanh nghiệp cũng chưa thực hiện phân tích điểm hòa vốn, cũng như phân tích mối quan hệ DT-CP-LN, một trong những phân tích quan trọng trong công tác KTQT. Một số báo cáo như báo cáo KQHĐKD, bảng cân đối kế toán được doanh nghiệp phân tích kỹ hơn nhưng cũng chỉ dừng lại ở một số nội dung chủ yếu để phân tích BCTC như cơ cấu vốn, cơ cấu nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán, tỷ suất lợi nhuận, ...

2.4.3. Nguyên nhân hạn chế

Thứ nhất: Nhận thức về vai trò về thông tin kế toán trong công tác quản lý còn hạn chế. Do vậy ở doanh nghiệp, kế toán chỉ chuyên tâm vào việc lập BCTC theo đúng quy định của Nhà nước về kế toán thuế, KTTC, chưa có ý thức về tầm quan trọng của KTQT trong việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí, KQKD nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị và các đối tác quan tâm. Ngược lại, các nhà quản trị DN cũng chưa thực sự sử dụng thông tin kế toán với tư cách là một cơ sở quan trọng trong việc ra quyết định điều hành doanh nghiệp. Vì vậy công tác KTQT chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ hai: Hệ thống kế toán Việt Nam đang trong quá trình đổi mới theo hướng phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Trong quá trình cải cách khó tránh khỏi những hạn chế dẫn tới việc vận dụng chế độ kế

toán trong DN gặp lúng túng. Chế độ kế toán thường xuyên thay đổi dẫn đến việc cập nhật và vận dụng ở DN còn chậm và chưa đầy đủ.

Thứ ba: Do trình độ, năng lực chuyên môn không ít kế toán trong Công ty còn hạn chế, chưa thực sự đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc trong điều kiện mới.

Kết luận Chương 2

Qua khảo sát thực tế thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL, luận văn đã nghiên cứu và đề cập một số nội dung cơ bản sau:

Phân tích rõ đặc điểm tổ chức HĐKD của Công ty, đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu dầu công nghiệp TECTYL.

Khái quát, phân tích, làm rõ thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD trên cả góc độ KTTC và KTQT. Kết quả nghiên cứu của chương 2 là cơ sở quan trọng để đưa ra các nội dung, giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và KQKD tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL mà mục tiêu đã đặt ra.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL

3.1.1. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của công ty phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của cả nước đã được các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc đề ra. Định hướng này được thể hiện trong Quy hoạch phát triển hệ thống SX và hệ thống phân phối thép giai đoạn đến 2020, có xét đến năm 2025, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 694/QĐ-BCT ngày 31/01/2013 và bối cảnh nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay cụ thể như sau:

- Đầu tư mở rộng mạng lưới tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ. Thành lập thêm các chi nhánh ở 1 số địa bàn quan trọng tạo điều kiện thuận lợi trong giới thiệu sản phẩm cũng như tiêu thụ chúng. Xây dựng và phát triển hệ thống trung tâm phân phối và dịch vụ hậu cần liên quan khu công nghiệp, khu chế xuất và các vùng có quy mô đô thị hóa lớn đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Tăng cường mối liên kết giữa các nhà sản xuất, nhà phân phối, dịch vụ và khách hàng thường xuyên; ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch thương mại điện tử, hoàn thiện môi trường pháp lý và hạ tầng công nghệ thông tin, cung cấp các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích sử dụng website điện tử để cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

- Tiếp tục đầu tư xúc tiến hoạt động bán hàng của doanh nghiệp, xây dựng hỗ trợ các sản phẩm mà doanh nghiệp đang kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh với các đơn vị doanh nghiệp phải thường xuyên cải tiến, nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm tra, giám sát các quy trình nghiệp vụ đồng thời nâng cao năng lực và trách nhiệm của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp.

- Tận tâm, tận lực hoàn thành hợp đồng cung cấp sản phẩm đúng hạn, đảm bảo chất lượng sản phẩm, chất lượng bảo hành.

Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường đầu tư trang thiết bị. Tiếp tục xây dựng và linh hoạt chính sách phân phối, chính sách giá cả, chính sách sản phẩm, chính sách tín dụng thương mại...

Công ty luôn nỗ lực hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và trở thành một trong những doanh nghiệp kinh doanh dầu công nghiệp lớn nhất miền Bắc, luôn cung cấp các sản phẩm chất lượng, nhanh chóng, kịp thời nhất đến với khách hàng.

Doanh nghiệp luôn chú trọng đến yếu tố con người, con người là ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp. Với phương châm: con người là chủ thể mang tính quyết định đến thành công trong công việc, Công ty không ngừng đào tạo, nâng cao đạo đức, trình độ và tư duy sáng tạo nhân lực với mục tiêu: Kỷ luật - Đoàn kết - Năng động - Sáng tạo. Mang lại lợi ích và sự nghiệp phát triển cho từng cá nhân, cho từng thành viên.

Công ty luôn hướng tới đạt được một hệ thống quản lý hiệu quả nhằm nâng cao sự say mê, tính trách nhiệm và sự thông suốt công việc trong mỗi thành viên cũng như để cụ thể hóa các lợi ích cho từng thành viên.

Công ty luôn mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tiếp thu các tinh hoa từ các đối tác, cũng như phát triển và phát huy các thế mạnh của bản thân. Luôn cùng các đối tác xây dựng đoàn kết, gắn bó nhằm cùng nhau mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, cho cộng đồng.

Mục tiêu phát triển của doanh nghiệp là phát triển doanh nghiệp một cách bền vững. Đến năm 2025, doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp chuyên phân phối các loại dầu công nghiệp nhập khẩu từ Hàn Quốc. Thị trường kinh doanh rộng khắp cả nước. Cụ thể:

- Doanh thu mỗi năm tăng từ 15% đến 20% /năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt mức từ 10% đến 15%/năm trên tổng doanh thu.
- Mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới khách hàng mới và khách hàng tiềm năng:
 - + Tăng cường công tác tiếp thị và quảng bá thương hiệu với mục tiêu dịch vụ tư vấn đạt 100% công suất thiết kế;
 - + Kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mục tiêu đạt trên 95% khách hàng hài lòng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.
 - Phát triển và quảng bá thương hiệu dầu công nghiệp TECTYL trở thành thương hiệu uy tín trong ngành dầu máy.
 - + Chuẩn hóa hệ thống quản lý của Doanh nghiệp
 - + Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống các quy trình, quy định để quản trị điều hành Doanh nghiệp một cách hiệu quả;
 - + Áp dụng chương trình quản lý công việc theo mục tiêu, quản lý thành tích cán bộ - công nhân viên nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp đáp ứng cho nhu cầu, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Chuyên nghiệp hóa đội ngũ kinh doanh, tiếp thị và công tác dịch vụ tư vấn, dịch vụ khách hàng.

3.1.2. Yêu cầu cơ bản của hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Từ thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và KQKD của Công ty và định hướng phát triển của Công ty, việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và

KQKD tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL là một đòi hỏi khách quan và mang tính cấp thiết, việc hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp cận phù hợp với nguyên tắc kế toán, chuẩn mực kế toán quốc tế phù hợp với các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và các Chế độ kế toán có liên quan của nhà nước Việt Nam. Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực chỉ cung cấp một khung pháp lý chung cho các doanh nghiệp. Vì vậy, khi hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và KQKD Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL cần có các vận dụng hợp lý các quy định chung đó.

Thứ hai, đảm bảo phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Sự hội nhập về quốc tế sẽ kéo theo sự hội nhập về kế toán, khi thông tin kế toán được xử lý theo những chính sách kế toán quá khác biệt sẽ làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư. Vì vậy, khi hoàn thiện, xây dựng kế toán doanh thu, chi phí và KQKD doanh nghiệp cần phải đảm bảo phù hợp với nguyên tắc và chuẩn mực kế toán quốc tế. Khi ngôn ngữ kế toán có sự đồng điệu sẽ thuận lợi, thúc đẩy cho quá trình hội nhập kinh tế phát triển.

Thứ ba, bảo đảm phù hợp với môi trường kinh doanh và đặc điểm tổ chức HĐKD, yêu cầu, trình độ QLDN; cần xuất phát từ đặc điểm môi trường kinh doanh và đặc điểm tổ chức HĐKD của DN để xây dựng, hoàn thiện hệ thống kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tương xứng, có thể phục vụ tốt nhất trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ tư, thực hiện cả về kế toán tài chính và kế toán quản trị nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các thông tin cho các đối tượng quan tâm đến thông tin kế toán của doanh nghiệp. Vì đối tượng sử dụng thông tin khác nhau nên yêu cầu nguồn thông tin cung cấp và sử dụng cũng khác nhau: thông tin do

KTTC cung cấp phải có độ tin cậy, khách quan, có giá trị pháp lý cao, trình bày đảm bảo tính đơn giản, dễ hiểu cho người sử dụng thông tin, đặc biệt thông tin trọng yếu phải được trình bày công khai; thông tin do KTQT cung cấp lại nhằm phục vụ cho đối tượng trong nội bộ doanh nghiệp, phải đáp ứng yêu cầu quản lý linh hoạt, kịp thời và hữu ích.

3.2. Giải pháp hoàn thiện

3.2.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính

Căn cứ vào các quy định về chế độ kế toán, căn cứ vào thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL, tác giả có những đề xuất sau:

Ghi nhận doanh thu

Doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Người bán chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua;
- Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sử dụng hoặc kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Người bán thu được/sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với trường hợp khách hàng ứng trước tiền hàng, kế toán phải hạch toán vào bên có tài khoản 131.

Ghi nhận doanh thu là một trong những vấn đề rất quan trọng của quá trình xác định KQKD. Với việc ghi nhận doanh thu chính xác sẽ giúp doanh nghiệp có được những thông tin chính xác về KQKD của đơn vị. Để từ đó ra

những quyết định kinh doanh kịp thời, hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Vận dụng xử lý chứng từ, tài khoản, sổ kế toán về doanh thu:

+ Việc vận dụng chứng từ, sổ kế toán về doanh tại doanh nghiệp trong một số trường hợp còn chưa đảm bảo đúng quy định, làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý doanh thu của đơn vị.

+ Doanh nghiệp cần đảm các chứng từ ghi nhận doanh thu phải được ghi chép chính xác, đầy đủ về nội dung và các yếu tố cơ bản của một chứng từ. Không bỏ trống ngày tháng trên hóa đơn, không sửa chữa, tẩy, xóa. Các chứng từ phải được sử dụng đúng chức năng theo quy định.

Các chính sách đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm: Doanh nghiệp cần có chính sách chiết khấu, giảm giá cho đối tượng khách hàng thường xuyên, có uy tín để tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh hơn. Đối với một đơn vị kinh doanh thì việc áp dụng cách chính sách khuyến mại cho khách hàng là một trong những chính sách giá cả hết sức mềm dẻo để doanh nghiệp có thể giữ được mối quan hệ lâu dài với các bạn hàng truyền thống cũng như có thể thu hút thêm số lượng khách hàng mới.

Xác định nội dung và phạm vi chi phí kinh doanh

Việc xác định nội dung, phạm vi các khoản chi phí kinh doanh tại doanh nghiệp chưa đảm bảo tính hợp lý và thống nhất, có rất nhiều khoản chi phí chưa được xác định và phân loại đúng nội dung và phạm vi. Để đảm bảo cho việc xác định KQKD được chi tiết và chính xác, bên cạnh việc tính đúng, tính đủ chi phí của HĐKD, doanh nghiệp phải xác định đúng nội dung chi phí, làm cơ sở để quản lý và lập dự toán chi phí cho các HĐKD được chính xác và hiệu quả:

+ Chi phí vận chuyển nội địa, chi phí bốc dỡ tại Việt Nam..của hàng hóa nhập khẩu phải được tập hợp và ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

+ Các chi phí liên quan đến hoạt động chung của toàn doanh nghiệp như chi phí tuyên truyền huấn luyện, phí tuyên truyền phòng chống cháy nổ,... phải được hạch toán và tổng hợp vào tài khoản 642 “Chi phí QLDN” thay vì hạch toán vào chi phí khác.

+ Chi phí thuê cửa hàng phải được hạch toán vào CP bán hàng.

Việc xác định chính xác nội dung chi phí HĐKD là rất quan trọng, nó cho phép doanh nghiệp có thể tổ chức hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh, trên cơ sở đó kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh, giảm giá thành, giảm chi phí, tăng lợi nhuận.

Kế toán giá vốn hàng bán

DN cần phải xác định chính xác giá trị vốn hàng hóa nhập khẩu mua về nhập kho (phải bao gồm cả phí vận chuyển nội địa, kho bãi, phí tại cảng,...).

Cách xác định giá vốn hàng hóa nhập khẩu khi nhập kho:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & & \text{Thuế} & & & \\ \text{hàng hóa} & = & \text{Giá} & + & \text{nhập} & + & \text{CP mua} & \text{Các} \\ \text{nhập kho} & & \text{mua} & & \text{khẩu} & + & (\text{CP vận chuyển,} & \text{khoản} \\ & & & & \text{(nếu có)} & & \text{bốc dỡ, ...)} & \text{giảm trừ} \end{array}$$

Việc xác định chính xác trị giá vốn của hàng hóa mua về nhập kho, sẽ giúp kế toán chi phí phản ánh chính xác được trị giá vốn hàng xuất bán.

Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác

Việc tập hợp và hạch toán chung chi phí bán hàng và chi phí QLDN ở một số nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp như hiện nay là không đúng quy định và làm ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định quản trị của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần phải xác định, phân loại và hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác theo đúng quy định hiện hành. Những chi phí phát sinh liên quan đến bộ phận bán hàng phải được tập hợp và hạch toán

vào tài khoản chi phí bán hàng (TK 6421), những chi phí phát sinh liên quan đến bộ phận QLDN phải được tập hợp và hạch toán vào tài khoản chi phí QLDN (TK 6422) theo đúng quy định, cụ thể:

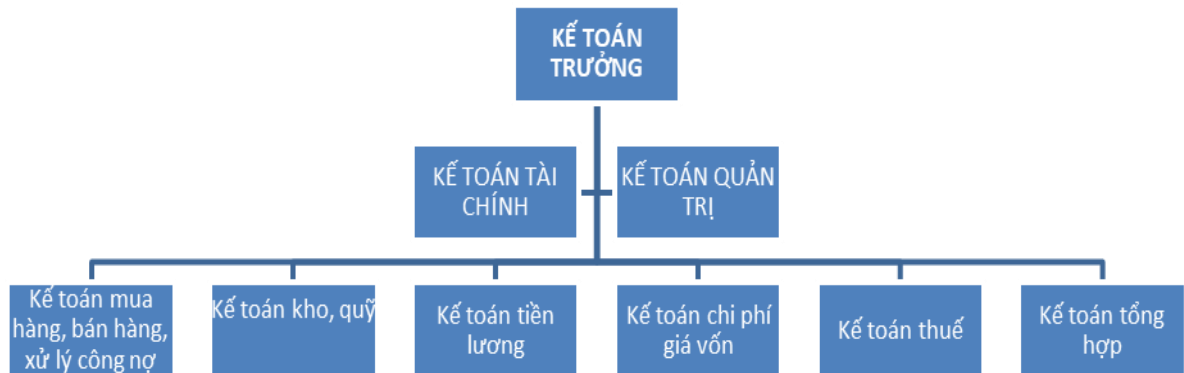
- Các chi phí liên quan đến hoạt động chung của toàn doanh nghiệp như chi phí tuyên truyền huấn luyện, phí tuyên truyền phòng chống cháy nổ,... phải được hạch toán và tổng hợp vào tài khoản 6422 “Chi phí QLDN” thay vì hạch toán vào chi phí khác.

- Chi phí thuê cửa hàng phải được tập hợp vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng” thay vì hạch toán vào tài khoản 6422 “Chi phí QLDN”.

Việc xác định, tập hợp và hạch toán chính xác chi phí bán hàng, chi phí QLDN và chi phí khác sẽ giúp các nhà quản lý nhìn nhận đúng đắn thực trạng HĐKD của đơn vị, từ đó có những biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.2.2. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị

Căn cứ vào quy mô và năng lực kinh tế, doanh nghiệp cần hoàn thiện bộ máy kế toán hiện có để thực hiện công tác KTQT. Trên cơ sở kinh nghiệm của các nước trên thế giới (Pháp, Mỹ), với đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam nói chung và đặc điểm của ngành dầu công nghiệp nói riêng, doanh nghiệp nên chọn mô hình kế toán quản trị kết hợp.



Sơ đồ 3. 1: Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình quản trị kết hợp

Theo mô hình này, kế toán quản trị được tổ chức kết hợp với kế toán tài chính như sau:

Về tổ chức bộ máy: KTQT và KTTC được tổ chức thành một hệ thống nhất không phân chia thành bộ phận KTQT riêng và KTTC riêng. Kế toán trưởng là người đứng đầu chịu trách nhiệm chung về toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp từ việc tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, lưu chuyển chứng từ, vận dụng tài khoản, hệ thống báo cáo...nhằm cung thông tin cho nhà quản trị. Các bộ phận kế toán có chức năng thu thập và cung cấp thông tin kế toán vừa tổng hợp, vừa chi tiết...đồng thời lập dự toán tổng hợp và chi tiết theo yêu cầu quản lý. Các bộ phận này vừa làm nhiệm vụ KTQT, vừa làm nhiệm vụ KTTC.

Về chứng từ: Kế toán quản trị sẽ sử dụng hệ thống chứng từ chung với hệ thống kế toán tài chính.

Về Tài khoản kế toán và sổ kế toán: Kế toán quản trị sẽ sử dụng hệ thống sổ chi tiết mà kế toán tài chính của đơn vị đã sử dụng để cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo kế toán quản trị.

Về báo cáo kế toán: Mỗi bộ phận kế toán có chức năng thu nhận, cung cấp thông tin kế toán vừa ở dạng tổng hợp, vừa ở dạng chi tiết theo yêu cầu

quản lý. Căn cứ thông tin này, bộ phận kế toán tổng hợp lập báo cáo tài chính, báo cáo KTQT để cung cấp thông tin phục vụ cho nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp.

Hoàn thiện việc phân loại doanh thu

Cách phân loại doanh thu theo tình hình kinh doanh hiện nay mà doanh nghiệp đang sử dụng giúp cho doanh nghiệp xác định doanh thu của từng loại hình hoạt động của mình, trên cơ sở đó xác định tỷ trọng doanh thu của từng loại hoạt động, đâu là hoạt động mũi nhọn, từ đó có phương án kinh doanh hợp lý. Tuy nhiên, để phục vụ cho nhu cầu thông tin cho các nhà quản trị, trong điều kiện nền kinh tế có nhiều khủng hoảng, doanh nghiệp cũng nên tiến hành phân loại doanh thu của đơn vị theo mối quan hệ với điểm hòa vốn. Theo đó, doanh thu của doanh nghiệp sẽ được chia làm 2 loại: Doanh thu hòa vốn (là doanh thu mà tại đó lợi nhuận phương án bằng 0 hay doanh thu bằng chi phí); Doanh thu an toàn (là mức doanh thu lớn hơn doanh thu hòa vốn, thể hiện mức an toàn của phương án).

Với cách phân loại này giúp doanh nghiệp xác định được điểm hòa vốn hay điểm an toàn cho từng phương án kinh doanh, trên cơ sở đó các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ lựa chọn ra phương án kinh doanh tối ưu nhất.

Hoàn thiện phân loại chi phí phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Việc phân loại chi phí thành 5 loại như hiện nay tại Công ty mới chỉ đáp ứng được nhu cầu thông tin cho KTTC, chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho KTQT. Doanh nghiệp nên tiến hành phân loại toàn bộ chi phí HĐKD theo quan hệ với mức độ hoạt động. Cách phân loại chi phí này sẽ đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp về lập kế hoạch chi phí, kiểm

soát và chủ động điều tiết chi phí, ra quyết định kinh doanh nhanh chóng và hiệu quả.

Theo cách này, toàn bộ chi phí của công ty được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Với chi phí hỗn hợp, công ty có thể sử dụng phương pháp cực đại-cực tiểu để tách biến phí và định phí trong chi phí hỗn hợp.

Hoàn thiện lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Công tác lập dự toán doanh thu, chi phí và KQKD tại cần phải thực hiện đầy đủ. Thực tế công việc này mới chỉ dừng lại ở việc lập “Kế hoạch kinh doanh”, cụ thể doanh nghiệp đã lập kế hoạch mua hàng hóa, kế hoạch doanh thu. Công tác xây dựng, quản lý và sử dụng “kế hoạch kinh doanh” ở doanh nghiệp mới chỉ đáp ứng được yêu cầu của công tác KTTC, chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Vì vậy, để thực hiện được công tác KTQT, đáp ứng nhu cầu thông tin cho các nhà quản lý. Doanh nghiệp cần thiết phải điều chỉnh và lập bổ sung dự toán doanh thu, chi phí, KQKD cho các kỳ HĐKD, cụ thể như sau:

Trong xu thế hội nhập, việc xây dựng dự toán HĐKD hàng năm có vai trò hết sức quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Căn cứ vào dự toán, Công ty có thể xác định rõ các mục tiêu cụ thể, đồng thời cũng sử dụng làm căn cứ đánh giá việc thực hiện sau này, lường trước những khó khăn tiềm ẩn để có phương án xử lý kịp thời và đúng đắn.

Công ty cần phải tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các dự toán sau mỗi kỳ HĐKD. Để từ đó, các nhà quản lý của doanh nghiệp có đầy đủ thông tin cho việc ra quyết định cho các PAKD tiếp theo.

Phân tích biến động doanh thu

Doanh thu là một chỉ tiêu rất quan trọng trong doanh nghiệp, nó thể hiện được mức độ đáp ứng nhu cầu khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ. Doanh

thu cần được phân tích thông qua việc đánh giá tổng quát chung, sau đó đi xem xét từng chỉ tiêu cơ bản về các hoạt động đem lại doanh thu cho doanh nghiệp.

Phương pháp phân tích doanh thu chủ yếu dựa trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu giữa các kỳ nghiên cứu.

Việc phân tích doanh thu sẽ cho phép Công ty có thể so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của các chỉ tiêu theo các khoản thời gian đồng thời tìm ra nguyên nhân tăng, giảm doanh thu theo kế hoạch và thực hiện. Từ đó có các giải pháp đúng đắn, kịp thời nhằm nâng cao doanh thu theo từng hoạt động.

Phân tích biến động chi phí

Việc phân tích biến động chi phí sẽ giúp doanh nghiệp có thể xác định được khả năng tiềm tàng, nguyên nhân chủ quan khách quan tác động đến sự tăng giảm chi phí thực tế so với kế hoạch đặt ra trước đó. Từ đó, giúp nhà quản lý có những giải pháp đúng đắn và kịp thời để chấn chỉnh hoặc tiếp tục phát huy những biến động đó theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

Phân tích hệ thống báo cáo quản trị

Để biết được tình hình thực hiện dự toán tiêu thụ, dự toán mua hàng, dự toán chi phí, ... trong kỳ so với kế hoạch đặt ra. Doanh nghiệp phải tiến hành đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch, giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tăng, giảm giữa kế hoạch và thực hiện trong kỳ cả về số tuyệt đối và số tương đối. Ngay sau khi các chênh lệch được tính toán, nhà quản trị cần quyết định các chênh lệch nào cần tiếp tục điều tra thêm. Bởi vì có rất nhiều các chênh lệch nên nhà quản trị không thể tiếp tục điều tra toàn bộ chúng mà còn dựa vào một số tiêu chuẩn để xác định khoản chênh lệch nào cần tiếp tục điều tra. Các tiêu chuẩn để xem xét có thể là độ lớn của khoản chênh lệch và khả năng kiểm soát chênh lệch.

3.3. Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp

3.2.1. Điều kiện về phía nhà nước và các cơ quan chức năng

Về phía các cơ quan nhà nước

Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính, hệ thống pháp luật, hoàn thiện chế độ kế toán hiện hành phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường ở Việt Nam và phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Văn bản giữa các Bộ, ngành cần phải có sự nhất quán về mặt nội dung.

Cần có một chính sách kế toán phân định phạm vi phản ánh của KTTC và KTQT với các văn bản hướng dẫn thực hiện KTQT được ban hành từ phía cơ quan Nhà nước.

Về phía các cơ quan chức năng

Hội kế toán Việt Nam với vai trò là một tổ chức nghề nghiệp nên tạo điều kiện hỗ trợ các DN trong việc tổ chức thực hiện KTQT bằng việc đưa ra một số mô hình tổ chức KTQT phù hợp với từng loại DN, từng lĩnh vực kinh doanh cũng như phù hợp với từng loại quy mô doanh nghiệp.

3.3.2. Điều kiện đối với chính doanh nghiệp

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL cần nhận thức rõ về tầm quan trọng của hệ thống thông tin kế toán nói chung và hệ thống thông tin kế toán về doanh thu, chi phí, KQKD của doanh nghiệp nói riêng trong việc điều hành HĐKD của đơn vị mình.

Bồi dưỡng nâng cao trình độ của nhân viên kế toán để đáp ứng yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, KQKD của doanh nghiệp. Công ty cần phải nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên kế toán. Các kế toán viên nắm chắc chuyên môn, nghiệp vụ trong hạch toán kế toán sẽ giúp cho các Báo cáo kế toán của doanh nghiệp phản ánh được chính

xác hoạt động kinh doanh của đơn vị. Hiện nay, Bộ Tài chính ban hành và thay đổi rất nhiều văn bản pháp quy đòi hỏi các kế toán viên phải thường xuyên cập nhật và nắm bắt các thông tin, chủ trương, chính sách của Bộ và của Nhà Nước.

Nhà quản lý cần nhận thức đúng về vai trò, chức năng của KTQT trong quản lý doanh nghiệp. Từ đó, chủ động xây dựng mô hình tổ chức KTQT thích hợp với doanh nghiệp. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, đảm bảo sự kết nối giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp với nhau một cách chặt chẽ, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin KTQT.

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận kế toán doanh thu, chi phí, KQKD trong các doanh nghiệp thương mại ở chương 1 và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, KQKD tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL ở chương 2, định hướng phát triển của chính Công ty đến năm 2025, luận văn đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, KQKD tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL trên cả hai góc độ Kế toán tài chính và Kế toán quản trị.

Trên phương diện Kế toán tài chính, luận văn đề xuất hoàn thiện về xác định nội dung và phạm vi doanh thu; xác định thời điểm ghi nhận doanh thu; xác định nội dung và phạm vi chi phí; phương pháp kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

Trên phương diện Kế toán quản trị, luận văn đề xuất hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy theo mô hình kết hợp giữa Kế toán tài chính và Kế toán quản trị; xây dựng và lập dự toán; phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí và phục vụ việc ra quyết định. Ngoài ra, luận văn còn làm rõ được các điều kiện để đảm bảo các giải pháp đề xuất được khả thi cả về phía nhà nước, các cơ quan chức năng và đối với doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển theo hướng hòa nhập các nền kinh tế thế giới thì các quyết định của nhà quản trị phụ thuộc rất nhiều vào thông tin kế toán. Đặc biệt với điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang bước đầu trong quá trình hội nhập, kinh tế đang trong giai đoạn phát triển vấn đề quản lý chi phí xã hội cũng như chi phí doanh nghiệp, gia tăng doanh thu là một vấn đề rất quan trọng. Thông qua công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, người quản lý đưa ra được những biện pháp nhằm tối thiểu hóa chi phí để đạt được doanh thu mong muốn.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL, tác giả đã tổng kết được kết quả đạt được trong công tác hạch toán kế toán tại đơn vị cũng như những tồn tại cần được hoàn thiện. Trong đề tài trên, tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, do giới hạn về phạm vi nghiên cứu nên tác giả chưa thể đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thiện toàn bộ quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty. Ý kiến đóng góp là ý kiến chủ quan đối với thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chưa đứng trên mối quan hệ với các quy trình hoạt động khác của đơn vị.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn PGS.TS Trần Mạnh Dũng cùng các thầy cô trong hội đồng bảo vệ đã giúp đỡ để hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Xin chân thành cảm ơn !

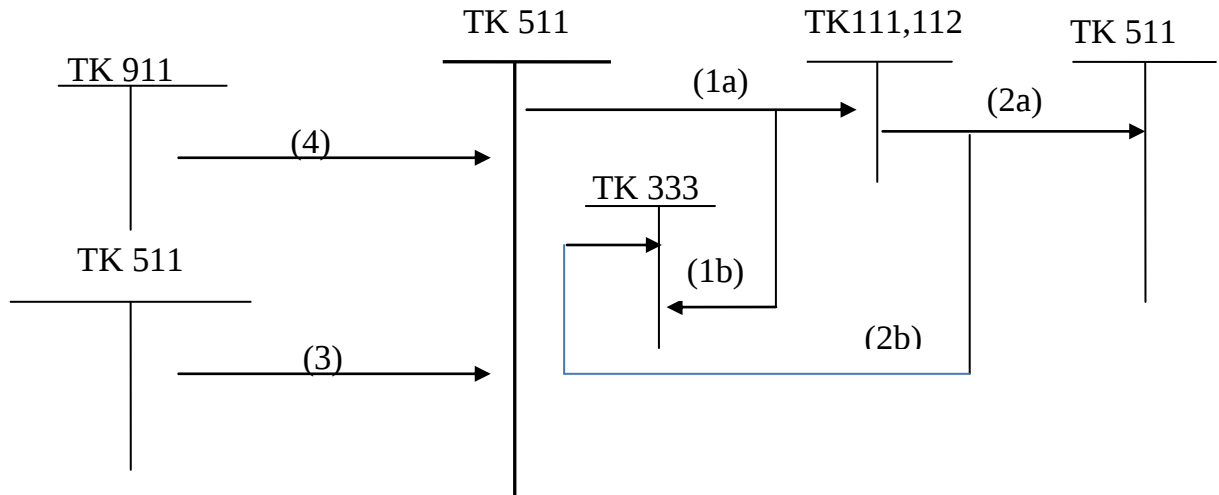
TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Thanh Phương, Hà Thị Thúy Vân (2020), *Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại dịch vụ*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính
3. Bộ Tài chính (2005), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam*
4. Bộ Tài chính (2014), *Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn*. NXB Tài chính
5. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*
6. Phan Thị Thu Hiền, Trần Mạnh Dũng (2019), “ *Các yếu tố quyết định ảnh hưởng đến thiết kế và phát triển hệ thống chi phí chất lượng: Trường hợp các doanh nghiệp thủy sản Nam Định*”, Tạp chí Quản lý khoa học và Nghiên cứu kinh doanh
7. Vũ Thị Thanh Thủy (2019), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Bách Khoa

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC SỐ 1

Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong các doanh nghiệp thương mại



Diễn giải:

(1a) : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(1b) : Thuế GTGT đầu ra

(2a) : Doanh thu bán hàng bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá

(2b) : Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại

(3) : Kết chuyển doanh thu bán hàng bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá trong kỳ

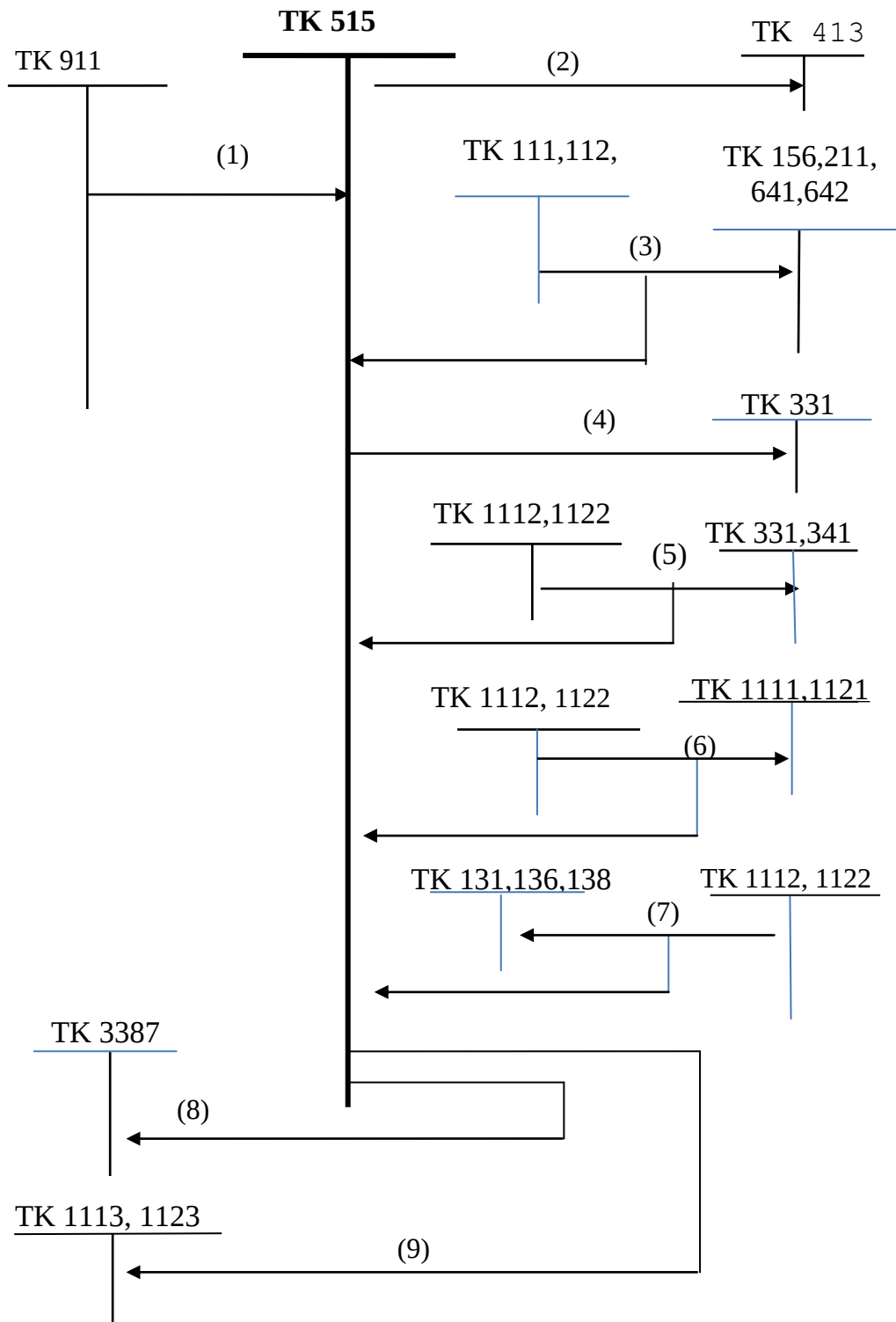
(4) : Kết chuyển doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

PHỤ LỤC SỐ 02

Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong các doanh nghiệp thương mại

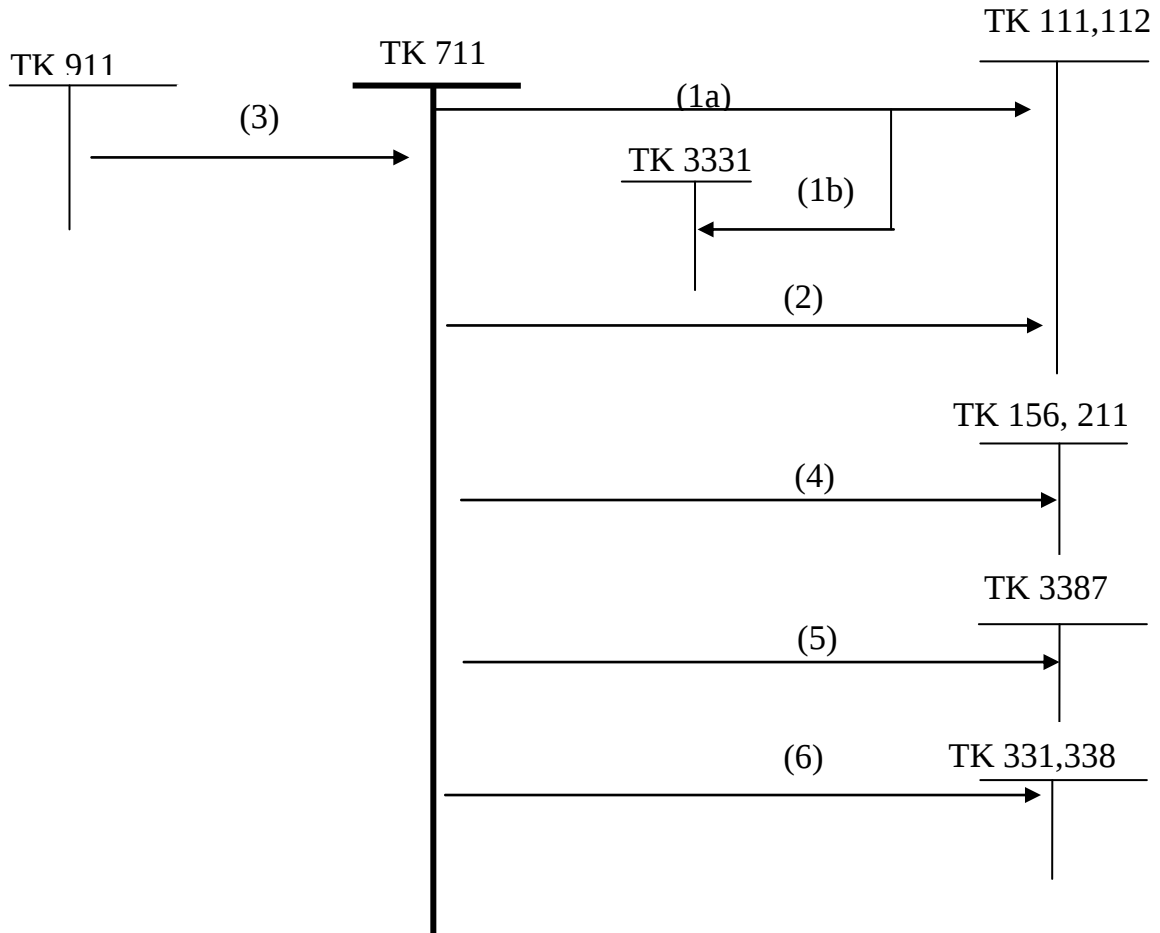
Diễn giải:

- (1) : Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh
- (2) : Kết chuyển toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại
- (3) : Mua hàng hóa, TSCĐ, các chi phí mua ngoài bằng ngoại tệ (phát sinh lãi tỷ giá)
- (4) : Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (phát sinh lãi tỷ giá)
- (5) : Thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (phát sinh lãi tỷ giá)
- (6) : Bán ngoại tệ đang nắm giữ (phát sinh lãi tỷ giá)
- (7) : Thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (phát sinh lãi tỷ giá)
- (8) : Xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp trong kỳ
- (9) : Đánh giá lại vàng tiền tệ (phát sinh lãi tỷ giá)



PHỤ LỤC SỐ 03

Sơ đồ kế toán thu nhập khác trong các doanh nghiệp thương mại

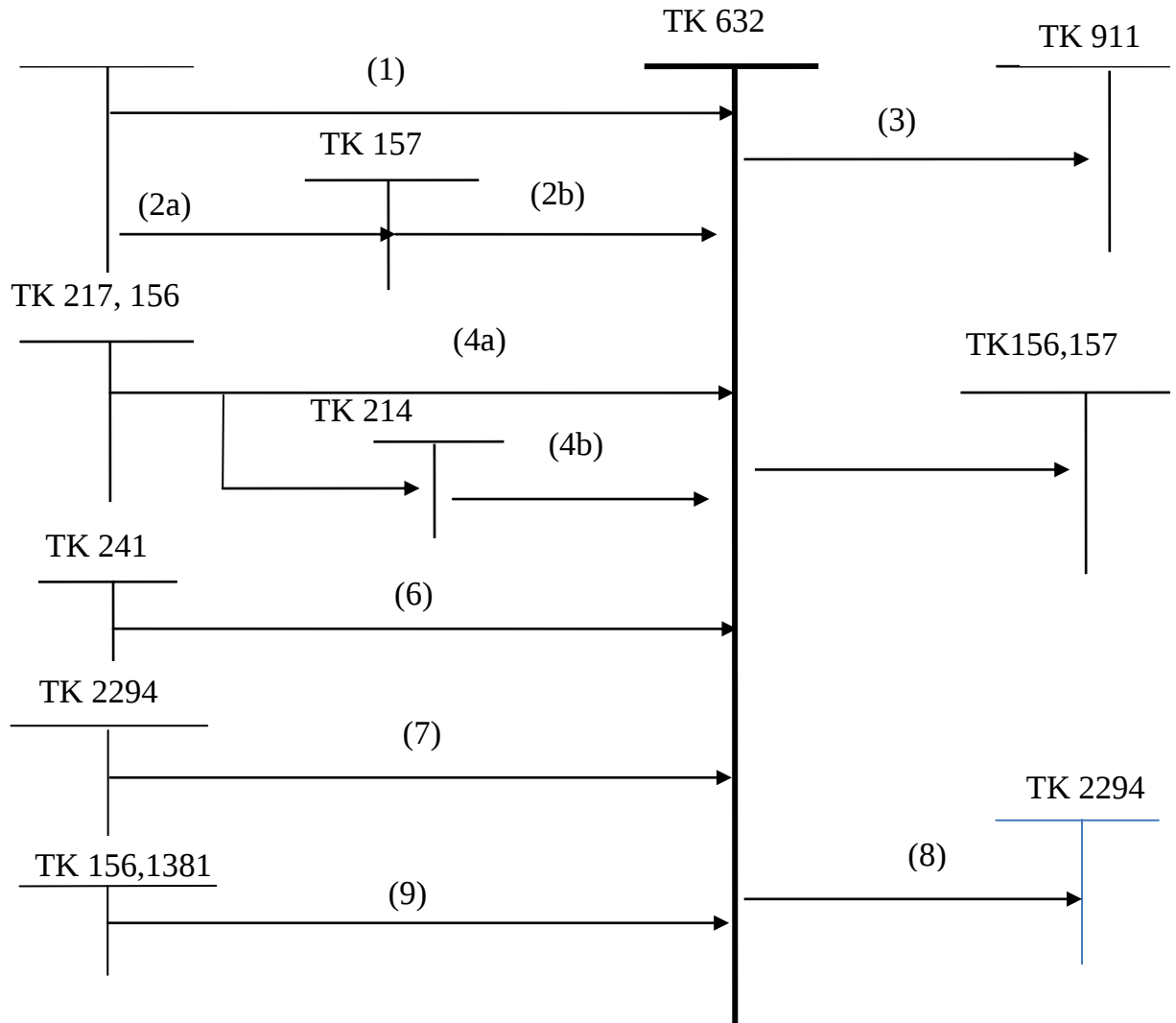


Diễn giải:

- (1a) : Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ
- (1b) : Thuế GTGT đầu ra
- (2) : Thu được từ nợ khó đòi đã xóa sổ
- (3) : Kết chuyển thu nhập khác trong kỳ để XĐKQKD
- (4) : Nhận tài trợ, biếu tặng hàng hóa, TSCĐ
- (5) : Phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác
- (6) : Thu từ các khoản nợ không xác định được chủ

PHỤ LỤC SỐ 04

Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên trong các doanh nghiệp thương mại



Diễn giải:

- (1) : Xuất bán hàng hóa được xác định là đã bán trong kỳ
- (2a): Xuất kho hàng hóa gửi đi bán
- (2b): Hàng hóa gửi đi bán được xác định là đã bán trong kỳ
- (3) : Cuối kỳ kết chuyển GVHB để xác định kết quả kinh doanh
- (4a): Xuất bán BĐS đầu tư

(4b): Trích khấu hao BĐS đầu tư

(5) : Hàng bán bị trả lại nhập kho

(6) : Chi phí tự xây dựng TSCĐ vượt quá mức bình thường, ko được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

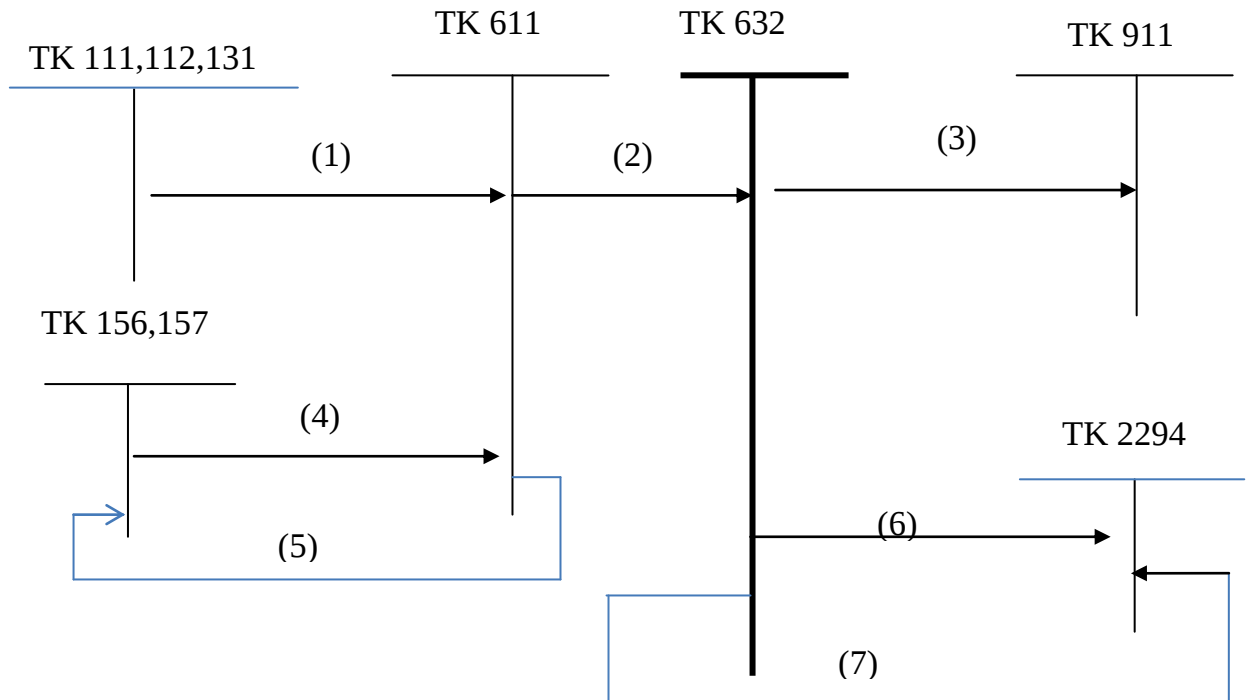
(7) : Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(8) : Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(9) : Hao hụt mất mát hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân.

PHỤ LỤC SỐ 05

**Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp
kiểm kê định kỳ trong các doanh nghiệp thương mại**

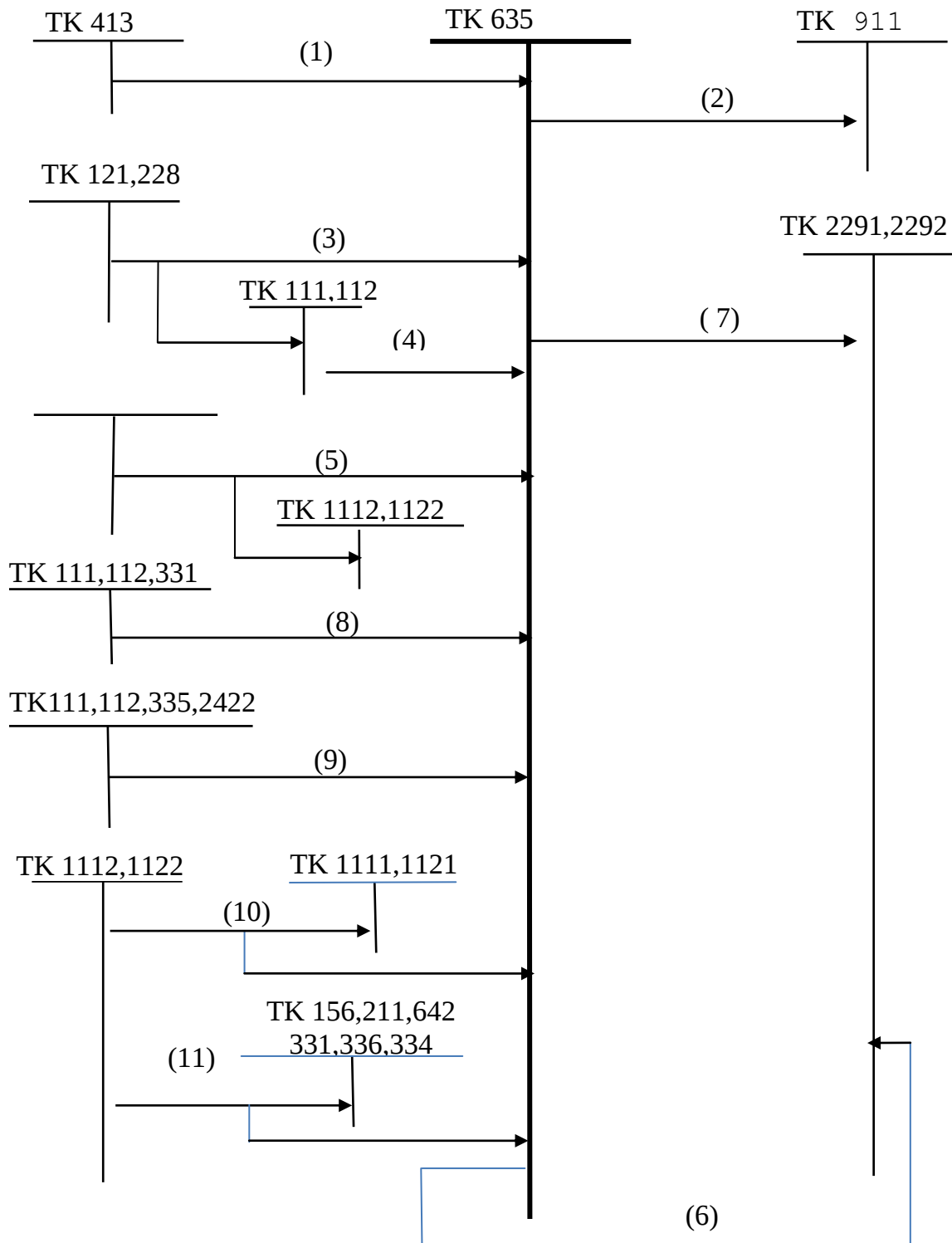


Diễn giải:

- (1) : Mua hàng hóa
- (2) : Giá vốn hàng hóa được xác định là đã bán trong kỳ
- (3) : Cuối kỳ kết chuyển GVHB để xác định kết quả kinh doanh
- (4) : Đầu kỳ kết chuyển hàng hóa tồn kho, hàng gửi đi bán đầu kỳ
- (5) : Cuối kỳ kết chuyển hàng hóa tồn kho, hàng gửi đi bán cuối kỳ
- (6) : Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- (7) : Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

PHỤ LỤC SỐ 06

Sơ đồ kế toán chi phí tài chính trong các doanh nghiệp thương mại

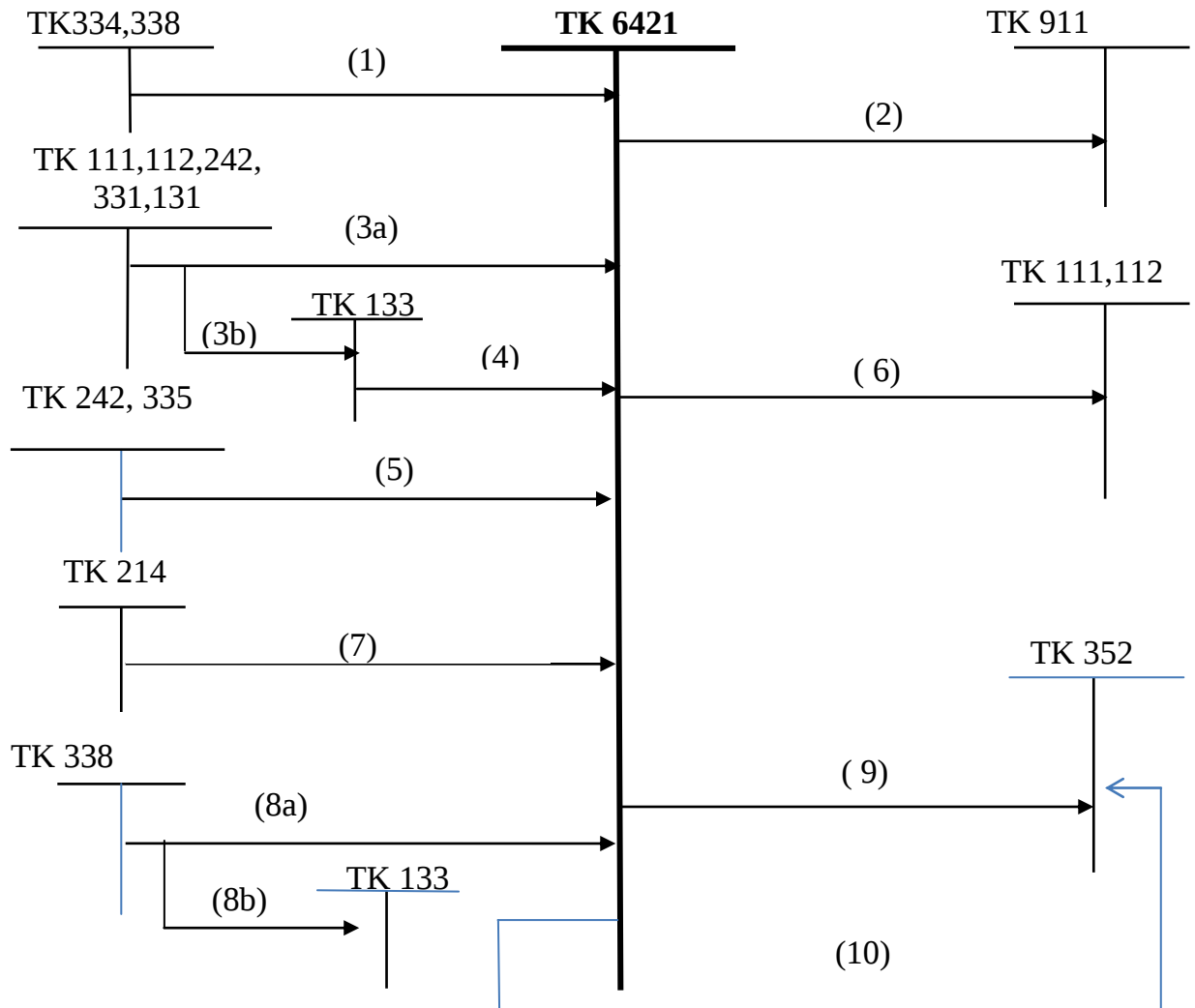


Diễn giải:

- (1) : Kết chuyển lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào chi phí tài chính .
- (2) : Cuối kỳ, kết chuyển CP QLDN để xác định KQKD
- (3) : Bán các khoản đầu tư (phát sinh lỗ TGHĐ)
- (4) : Chi phí hoạt động liên danh liên kết
- (5) : Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ (phát sinh lỗ TGHĐ)
- (6) : Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- (7) : Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- (8) : Chiết khấu thanh toán cho người mua
- (9) : Lãi tiền vay phải trả, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
- (10) : Bán ngoại tệ (phát sinh lỗ TGHĐ)
- (11) : Mua hàng hóa, tài sản, thanh toán nợ bằng ngoại tệ (phát sinh lỗ TGHĐ).

PHỤ LỤC SỐ 07

Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng trong các doanh nghiệp thương mại



Diễn giải:

(1) : Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản khác phải trả cho nhân viên bộ phận bán hàng, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, tiền ăn ca và các khoản trích trên lương .

(2) : Cuối kỳ, kết chuyển CP BH để xác định KQKD

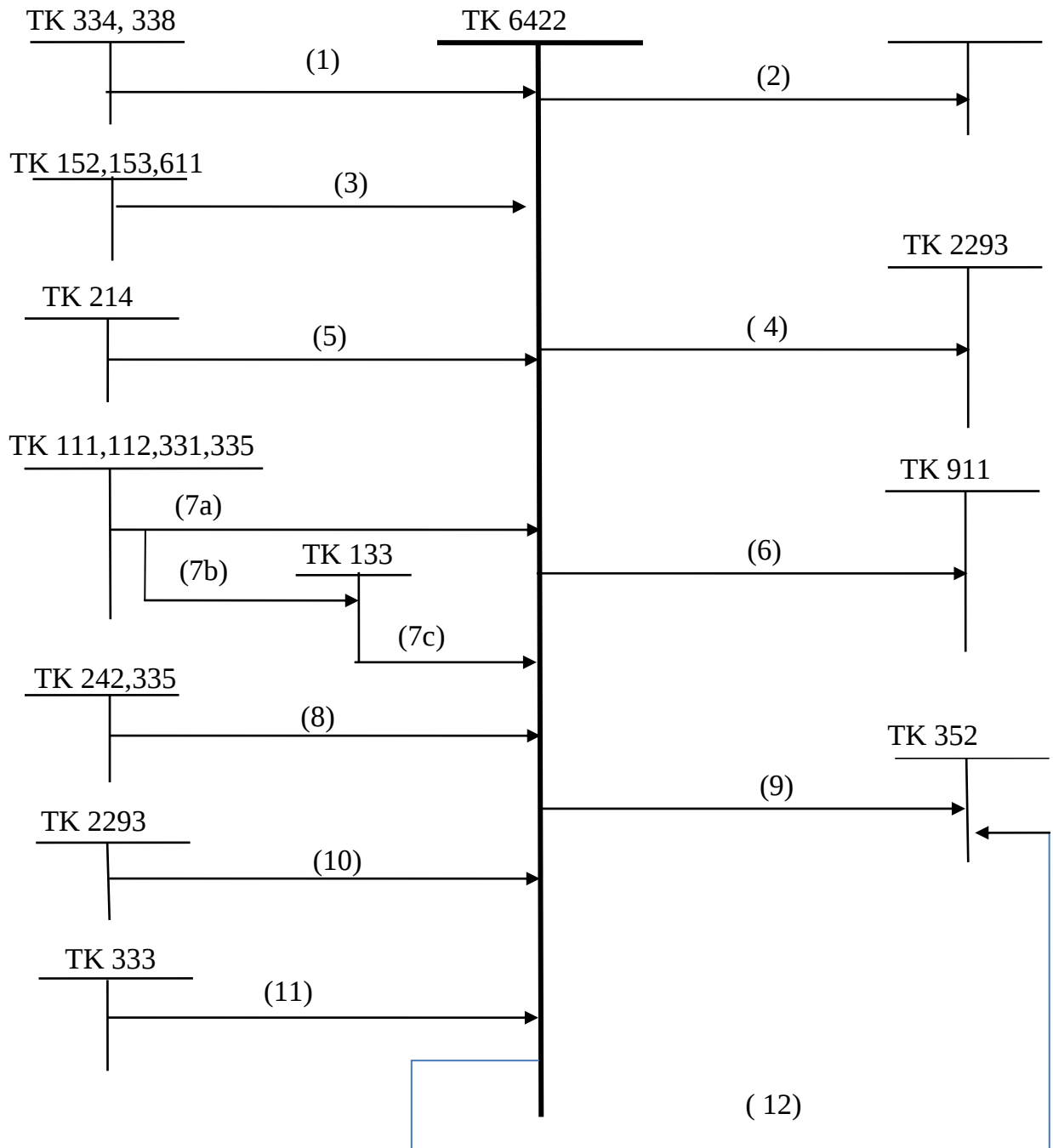
(3a) : Chi phí mua vật liệu, công cụ, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ công tác bán hàng.

(3b) : Thuế GTGT (nếu có)

- (4) : Thuế GTGT không được khấu trừ (hàng hóa, dịch vụ phục vụ bán hàng).
- (5) : Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6) : Các khoản làm giảm chi phí bán hàng
- (7) : Khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng
- (8a) : Phải trả cho đơn vị nhận ủy thác XK (các khoản chi hộ hàng ủy thác)
- (8b) : Thuế GTGT các khoản chi hộ (nếu có)
- (9) : Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa
- (10) : Trích lập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa

PHỤ LỤC SỐ 08

**Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
trong các doanh nghiệp thương mại**



Diễn giải:

(1): Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản khác phải trả cho nhân viên bộ phận QLDN, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, tiền ăn ca và các khoản trích trên lương.

(2) : Các khoản phát sinh ghi giảm chi phí QLDN

(3) : Công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu thuộc QLDN

(4) : Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập trong năm nay .

(5) : Chi phí khấu hao TSCĐ

(6) : Cuối kỳ, kết chuyển CP QLDN để xác định KQKD

(7a) : Chi phí mua vật liệu, công cụ, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ công tác QLDN.

(7b) : Thuế GTGT (nếu có)

(7b) : Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ

(8) : Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(9) : Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành hàng hóa

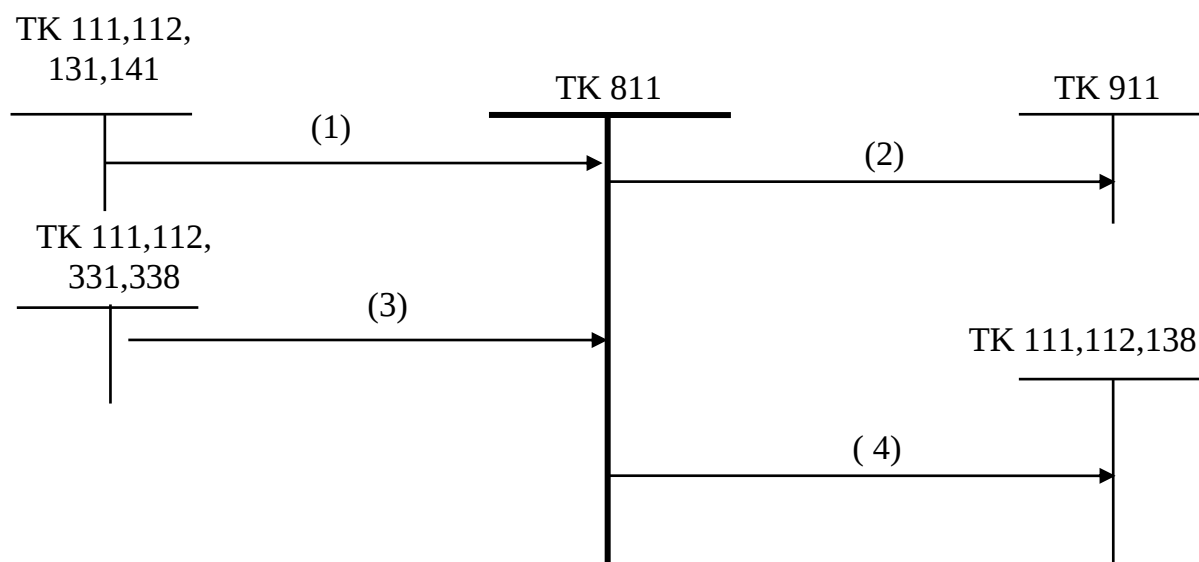
(10) : Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

(11) : Thuế môn bài, thuế đất phải nộp NSNN

(12) : Trích lập dự phòng phải trả về tái cơ cấu doanh nghiệp, HĐ có rủi ro lớn, dự phòng phải trả khác.

PHỤ LỤC SỐ 09

Sơ đồ kế toán chi phí khác trong các doanh nghiệp thương mại

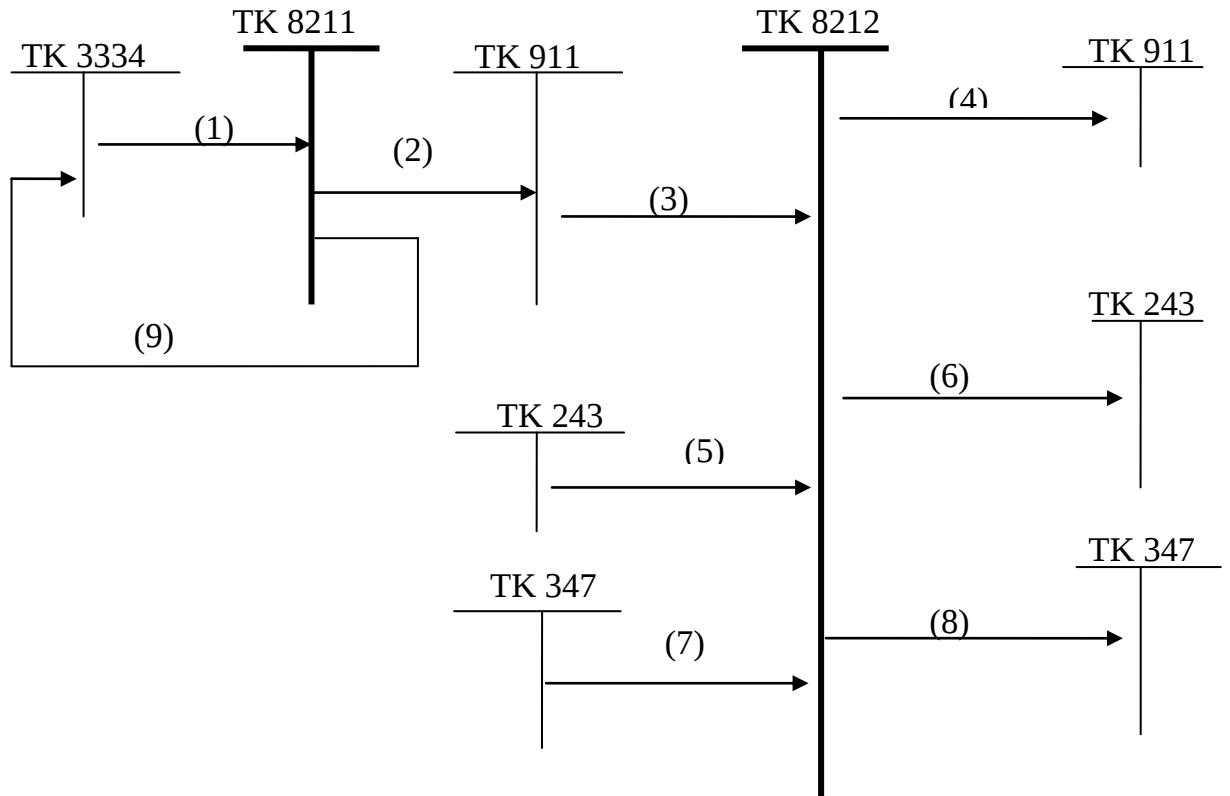


Diễn giải:

- (1) : Các chi phí khác phát sinh (chi cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ,..)
- (2) : Kết chuyển chi phí khác trong kỳ để XĐKQKD
- (3) : Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng
- (4) : Thu bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý TSCĐ

PHỤ LỤC SỐ 10

Sơ đồ kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong các doanh nghiệp thương mại



Diễn giải:

- (1) : Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ do DN tự xác định
- (2) : Các khoản phát sinh ghi giảm chi phí QLDN
- (3) : Kết chuyển chênh lệch số phát sinh có lớn hơn số phát sinh nợ

TK 8122

- (4) : Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành
- (5) : Chênh lệch giữa số tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh nhỏ hơn số tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
- (6) : Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phát sinh lớn hơn số thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm.

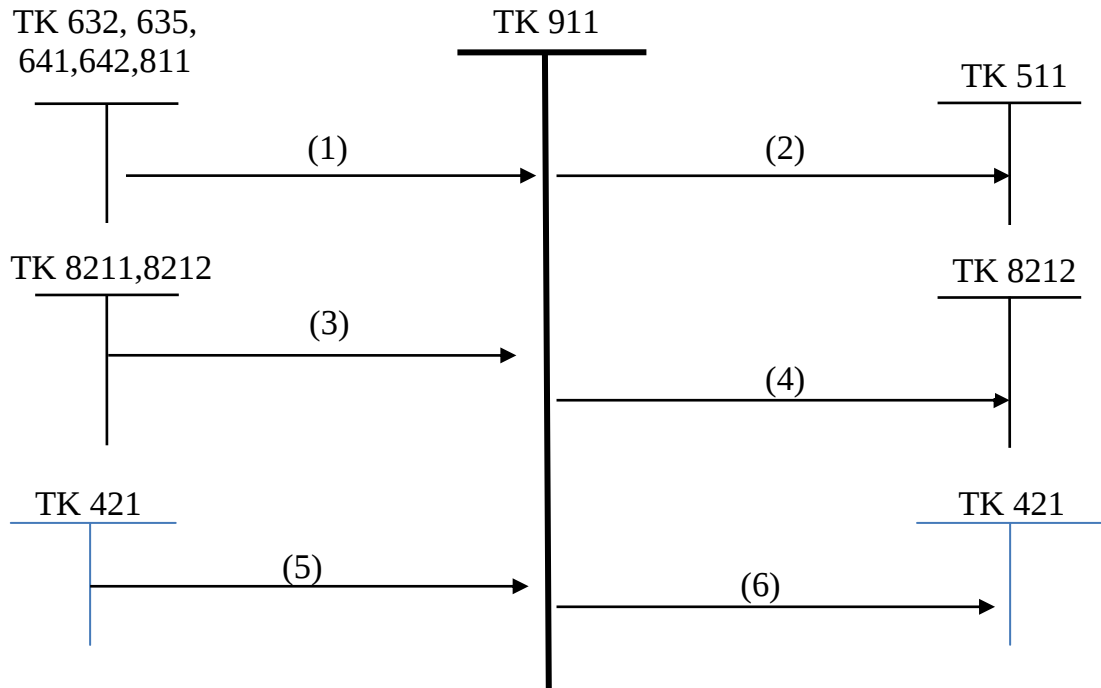
(7) : Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.

(8) : Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.

(9) : Chênh lệch số thuế TNDN tạm phải nộp lớn hơn số thuế phải nộp

PHỤ LỤC SỐ 11

Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại



Diễn giải:

- (1) : Cuối kỳ, kết chuyển chi phí để xác định KQKD
- (2) : Cuối kỳ, kết chuyển DT, thu nhập để xác định KQKD
- (3) : Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại để xác định KQKD.
- (4) : Kết chuyển giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại để xác định KQKD
- (5) : Cuối kỳ, kết chuyển lãi HĐKD trong kỳ để xác định KQKD
- (6) : Cuối kỳ, kết chuyển lỗ HĐKD trong kỳ để xác định KQKD

PHỤ LỤC SỐ 12

Phiếu xuất kho Công ty

CÔNG TY TNHH TM XNK DẦU CÔNG NGHIỆP
H.C.T.V.L
Cổng Keo - Phò Keo, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm,
Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0105003819

Mẫu số: 02 - VT

(Đạt hành theo Thông tư số 133/2016 TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 Ng: 632

Số: XK0910/2019 C: 156



Người nhận hàng: Công ty TNHH Shinjo Việt Nam
(Địa chỉ: Đường B4, Khu B - KCN Phố Mới A- Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên)

Xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty TNHH Shinjo Việt Nam

Xuất tại kho (ngân lỗ): Hàng hóa

Địa điểm: Cổng Keo - Phò Keo, xã
Kim Sơn, Huyện Gia Lâm,
Hà Nội

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	PHN-40	156.PHN40	Kg	500	510	68.173	34.768.230
2	PHC-500S	156.PHC500S	Kg	500	500	72.450	36.225.000
Tổng							70.993.230

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bảy mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn hai trăm ba mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 09 tháng 10 năm 2019

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Kế toán

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Thị Việt Hà

PHỤ LỤC SỐ 13

Đơn đặt hàng (Purchase Order) và Báo giá (Quotation)

BM-DH:1/2015

CÔNG TY TNHH SHINJO VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường B4 –Khu B-KCN Phố Mới A-Lạc Hồng- Văn Lâm-Hung Yên.
ĐT:0321-3-997592 Fax:0321-3-997595

Hung Yên, ngày 20 tháng 09 năm 2019

ĐƠN ĐẶT HÀNG

SJ-20092019

Kính gửi: Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu dầu công nghiệp Tectyl

Công ty TNHH SHINJO Việt Nam xin gửi lời chào hợp tác tới quý công ty.

Công ty chúng tôi xin gửi Công ty đơn đặt hàng như sau:

STT	Tên chi tiết	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (vnd/kg)	Tổng (vnd)
1	Bột gia công đánh bóng kim loại PHN-40	500	Kg	68,173	34,086,500
2	Bột gia công đánh bóng kim loại PHC-500S	500	Kg	72,450	36,225,000
	TỔNG	1000	Kg		70,311,500

Yêu cầu:

Thời gian cần:02/10/2019.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ phía công ty.

Xin cảm ơn quý công ty!

CÔNG TY TNHH SHINJO VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
ATSUSHI OKUDA



CÔNG TY TNHH TM XNK DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL

Địa chỉ: Cống Keo, phố Keo, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Văn phòng đại diện: Phòng 1007 tòa 17T6, Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: 0919035151

BÁO GIÁ BỘT

Gửi đến: Công ty TNHH Shinjo

Ngày 18 tháng 9 năm 2019

Bà: Nguyễn Thị Lan

Từ: Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Dầu Công nghiệp Tectyl

Chúng tôi xin gửi đến quý công ty báo giá Bột như dưới đây

Số lượng	500kg	1500kg
Mặt hàng		
PHN-40	68,173 VND/kg	59,281 VND/kg
PHC-500S	72,450 VND/kg	63,000 VND/kg

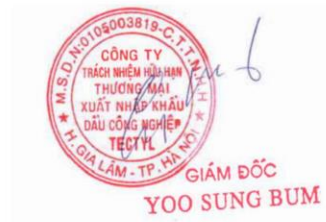
Note: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Sản phẩm sẽ được giao đến kho của khách hàng

Thời gian giao hàng: 30 ngày kể từ ngày khách hàng đặt hàng

Sự chênh lệch giá giữa 500kg và 1500kg là do phí vận chuyển của mỗi đơn hàng lớn hơn 1.000.000 VND

FOR THE SELLER



PHỤ LỤC SỐ 14

Hóa đơn Giá trị Gia tăng

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 Địa điểm giao nhận : Công ty TNHH Shinjo Vietnam

*Đường B4, Khu B, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng
Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chúng tôi gồm:

BÊN BÁN:

Người bàn giao:

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu dầu công nghiệp Tectyl

BÊN MUA:

Người nhận bàn giao:

Đơn vị: Công ty TNHH Shinjo Vietnam

Lý do bàn giao:

Chúng tôi cùng bàn giao sản phẩm bột gia công kim loại với nội dung sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	PHC-500S	Kg	500	
2	PHN- 40	Kg	510	

Bên bán

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
YOO SUNG BUM**Bên mua**

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 15

Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu công nghiệp TECTYL
 Công Viên - Phố Huế, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Điều lệ nội bộ
 (ban hành theo Thông tư 123/2015/TT-BTC
 ngày 26/08/2015 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Đã ghi sổ cái	Số phát sinh
	Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	F	G	H
			Phát sinh trong kỳ				
9/10/2019	0000134	9/10/2019	Nhập Nabakem L-840 theo HĐ 0000134	156	331	x	6,700,000
9/10/2019	0000996	9/10/2019	Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0000134	133	331	x	670,000
9/10/2019	0000996	9/10/2019	Chi phí tiếp khách	642	331	x	727,000
9/10/2019	0000996	9/10/2019	Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0000996	133	331	x	72,700
9/10/2019	0000086	9/10/2019	Doanh thu / Phí thu sẵn hàng của công ty Shinjo Việt Nam	131	511	x	70,999,230
9/10/2019	0000086	9/10/2019	Giá vốn PHN - 40 theo HĐ 0000086	632	156	x	24,996,410
9/10/2019	0000086	9/10/2019	Giá vốn PHC - 500 theo HĐ 0000086	632	156	x	27,909,634
10/10/2019	0004184	10/10/2019	Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0000975	133	331	x	590,909
10/10/2019	0004184	10/10/2019	Chi phí xăng xe	642	331	x	1,226,727
10/10/2019	0004184	10/10/2019	Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0004184	133	331	x	122,673
10/10/2019	0001454	10/10/2019	Thanh toán tiền cho công ty Năng lượng xanh	331	111	x	1,349,400
10/10/2019	0001454	10/10/2019	Chi phí tiếp khách	642	331	x	1,240,000
11/10/2019	0001003	11/10/2019	Thanh toán tiền cho công ty In Hồng Hà	331	112	x	1,599,250
11/10/2019	0001003	11/10/2019	Chi phí tiếp khách	642	331	x	1,500,000
11/10/2019	0001003	11/10/2019	Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0001003	133	331	x	190,000
11/10/2019	0000486	11/10/2019	Thanh toán tiền cho công ty Thành An	331	111	x	1,650,000
11/10/2019	0000087	11/10/2019	Doanh thu / Phí thu sẵn hàng của công ty Shinki Special Tool	131	511	x	46,790,000
11/10/2019	0000087	11/10/2019	Thuế GTGT đầu vào theo HĐ 0000087	131	333	x	4,679,000
11/10/2019	0000087	11/10/2019	Giá vốn Tectyl cool 531 theo HĐ 0000087	632	156	x	21,157,548
11/10/2019	0000087	11/10/2019	Giá vốn tectyl RP 361 theo HĐ 0000087	632	156	x	11,413,787
11/10/2019	0000088	11/10/2019	Doanh thu / Phí thu sẵn hàng của công ty Comet Việt Nam	131	511	x	143,753,000

Activ

PHỤ LỤC SỐ 16**Sổ chi tiết Tài khoản 511****CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP
TECTYL****(trích) SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN****Năm 2019****SỐ HIỆU TK:** 511**Doanh thu bán hàng và cung cấp
dịch vụ****TÊN TK:**

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			Tổng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			
1	2	3	4	5	6	7
2/1/19	000040 4	2/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Comet Việt Nam	131		1,683,130
3/1/19	000040 5	3/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Electronics	131		52,313,500
5/11/19	000040 6	5/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Electronics	131		104,627,000
10/1/19	000041 1	10/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Deaho Việt Nam	131		4,094,100
10/1/19	000041 3	10/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Electronics	131		91,548,625
13/1/19	000041 5	13/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty KPF Việt Nam	131		124,328,750
						
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		5,658,362,38 5	
31/12/19		31/12/19	Cộng số dư cuối kì		5,658,362,38 5	

.... năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kê toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 17**Sổ Cái Tài khoản 511**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP
TECTYL**

(trích) SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số tài khoản: 511

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g sổ	STT dòn g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
								
2/1/19	000040 4	2/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Comet Việt Nam			131		1,683,130
3/1/19	000040 5	3/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Electronics			131		53,996,630
5/1/19	000040 6	5/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Electronics			131		156,940,500
10/1/1 9	000041 1	10/1/19	Doanh thu_Phải thu tiền hàng của công ty Deaho Việt Nam			131		161,034,600
								
31/12/ 19		31/12/1 9	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			911	5,658,362,3 85	
			Cộng số dư cuối kì				5,658,362,3 85	5,658,362,38 5

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang số... đến trang ...
- Ngày mở sổ:

PHỤ LỤC SỐ 18

Sổ Chi tiết Tài khoản 515

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP
TECTYL**

(trích) SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2019

SỐ HIỆU TK:

515

**Doanh thu hoạt động tài
chính**

TÊN TK:

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
Số dư đầu kỳ						
Tổng số phát sinh						
Số dư cuối kỳ						
1	2	3	4	5	6	7
31/1/19		31/1/19	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		109,614
8/2/19		8/2/19	Chênh lệch lãi tỷ giá	331		127,120
8/2/19		8/2/19	Chênh lệch lãi tỷ giá	331		468,950
8/2/19		8/2/19	Chênh lệch lãi tỷ giá	331		1,463,600
28/2/19		28/2/19	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		98,834
31/3/19		31/3/19	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		83,374
28/4/19		28/4/19	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		77,727
5/5/19		5/5/19	Chênh lệch lãi tỷ giá	331		116,350
31/5/19		31/5/19	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		100,615
30/6/19		30/6/19	Chênh lệch lãi tỷ giá	112		136,841
.....						
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	3,264,295	3,264,295
			Cộng số dư cuối kì		3,264,295	

Ngày.... tháng.... năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 19**Sổ Cái Tài khoản 515****(trích) SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số tài khoản: 515

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
3/1/19		3/1/19	Chênh lệch lãi tỷ giá					31,875
23/1/19		23/1/19	Chênh lệch lãi tỷ giá					36,680
31/1/19		31/1/19	Lãi tiền gửi ngân hàng					109,614
8/2/19		8/2/19	Chênh lệch lãi tỷ giá					127,120
8/2/19		8/2/19	Chênh lệch lãi tỷ giá					468,950
								
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	3,264,295	
			Cộng số dư cuối kì				3,264,295	3,264,295

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang số... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.... tháng.... năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 20

Sổ Cái Tài khoản 632**(trích) SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số tài khoản: 632

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
3/1/19	0000405	3/1/19	Giá vốn TECTYL cool 390V theo HĐ 0000405			156	45,187,012	
5/1/19	0000406	5/1/19	Giá vốn TECTYL cool 390V theo HĐ 0000406			156	90,374,023	
10/1/19	0000408	10/1/19	Giá vốn TECTYL Press VP 181 theo HĐ 0000408			156	33,095,088	
10/1/19	0000410	10/1/19	Giá vốn HTRS 32 theo HĐ 0000410			156	15,200,000	
.....								
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		4,439,581,814
			Cộng số dư cuối kì				4,439,581,814	4,439,581,814

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang số... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.... tháng.... năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 21**Sổ cái Tài khoản 635****(trích) SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số tài khoản: 635

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
4/1/19		4/1/19	Chênh lệch lỗ tỷ giá			331	71,370	
28/2/19		28/2/19	Chênh lệch lỗ tỷ giá			331	133,805	
2/3/19		2/3/19	Chênh lệch lỗ tỷ giá			331	955,600	
2/3/19		2/3/19	Chênh lệch lỗ tỷ giá			331	430,220	
2/3/19		2/3/19	Chênh lệch lỗ tỷ giá			331	510,300	
.....								
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		1,609,153
			Cộng số dư cuối kì				1,609,153	1,609,153

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang số... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

*Ngày..... tháng.... năm 2019***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC SỐ 22

Sổ Chi tiết Tài khoản 6421

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP
TECTYL**

(trích) SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2019

SỐ HIỆU TK:

6421

TÊN TK:

Chi phí bán hàng

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			Tổng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			
1	2	3	4	5	6	7
10/1/19	006410 0	10/1/19	Chi phí xăng xe	331	737,818	
13/1/19	001422 6	13/1/19	Chi phí xăng xe	331	645,591	
23/1/19	006758 7	23/1/19	Chi phí xăng xe	331	823,200	
29/1/19	006913 7	29/1/19	Chi phí xăng xe	331	467,727	
31/1/19	002329 7	31/1/19	Cước đường bộ	111	1,640,000	
09/2/19	007255 4	09/2/19	Chi phí xăng xe	331	823,200	
17/2/19	024215 5	17/2/19	Chi phí xăng xe	331	545,455	
.....						
.....						
.....						
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		233,527,116
			Cộng số dư cuối kì		233,527,116	233,527,116

Ngày.... tháng.... năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 23**Sổ Chi tiết Tài khoản 6422****CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP
TECTYL****(trích) SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN****Năm 2019****SỐ HIỆU TK:****6422****TÊN TK:****Chi phí quản lý doanh nghiệp**

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
Số dư đầu kỳ						
Tổng số phát sinh						
Số dư cuối kỳ						
1	2	3	4	5	6	7
27/10/19	000396 9	27/10/19	Cước dịch vụ chuyển phát nhANH	331	405,454	
31/10/19	996181 0	31/10/19	Chi phí dịch vụ ngân hàng	331	918,286	
05/11/19		05/11/19	Sửa máy tính	111	200,000	
12/11/19		12/11/19	Công chứng tài liệu	111	24,000	
17/11/19		17/11/19	Dịch vụ vệ sinh môi trường	111	130,000	
24/11/19		24/11/19	Dịch vụ thay màn hình	111	100,000	
26/11/19		26/11/19	Công chứng tài liệu	111	40,000	
27/10/19	000396 9	27/10/19	Chi phí dịch vụ ngân hàng	331	230,000	
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1,183,292,641
			Cộng số dư cuối kì		1,183,292,641	1,183,292,641

PHỤ LỤC SỐ 24**Sổ Chi tiết Tài khoản 911****CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG
NGHIỆP TECTYL****(trích) SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN****Năm 2019****SỐ HIỆU TK:****911****TÊN TK:****Xác định kết quả kinh
doanh**

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN PHÁT SINH	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			Tổng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			
1	2	3	4	5	6	7
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		5,658,362,385
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		3,264,295
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển thu nhập khác	711		(389,580)
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	1,537,414	
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển giá vốn	632	4,344,759,713	
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1,416,819,757	
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển chi phí khác	811	14,536,464	
31/12/19		31/12/19	Kết chuyển lỗ năm 2019	421		245,576,122
			Cộng số phát sinh		5,906,813,222	5,906,813,222
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 19 tháng 03 năm 2020

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 25
Kế hoạch kinh doanh
(trích) Kế hoạch bán hàng

Tháng	Năm 2019	Năm 2018
1	1,000,000,000	2,266,637,430
2	600,000,000	753,222,687
3	200,000,000	926,578,204
4	600,000,000	423,520,445
5	400,000,000	651,207,496
6	560,000,000	718,721,132
7	780,000,000	927,735,986
8	300,000,000	548,686,500
9	150,000,000	334,867,400
10	100,000,000	219,823,281
11	430,000,000	944,013,530
12	1,200,000,000	2,432,461,639
Cả năm	6,320.000.000	11,147,475,730

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

TP kinh doanh
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 26
Kế hoạch kinh doanh
(Trích) Kế hoạch mua hàng
Tháng 1 năm 2019

STT	Mã hàng	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng
1	Cool 390V	TECTYL cool 390V	Lít	240
2	RP 361	TECTYL RP 361	Lít	600
3	VP 181	TECTYL Press VP 181	Lít	3,200
4	AW 32	Dầu thủy lực AW 32	Lít	1,500
5	AW 68	Dầu thủy lực AW 68	Lít	1,500
6	L840	Nabakem L840	Chai	200
7	PHC-500S	Bột gia công PHC-500S	Kg	500

Lập, ngày 29 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

TP kinh doanh
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 27

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 (trích BCTC)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mẫu số: B02
- BNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Dầu Công Nghiệp Tectyl

[03] Mã số thuế: 0105003819

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	5.773.452.085	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	115.689.700	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.658.362.385	0
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	4.344.759.713	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.313.602.672	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	3.264.295	0
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	1.537.414	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VL.6	1.416.819.757	0
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(101.490.204)	0
10. Thu nhập khác	31	VL.7	(389.580)	0
11. Chi phí khác	32	VL.8	114.536.464	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(114.926.044)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(216.416.248)	0
14. Chi phí thuế TNDN	51	VL.9	29.159.874	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(245.576.122)	0

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)
Trương Thị Diệu Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 19 tháng 03 năm 2020
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
VOO SUNG BUM



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU CÔNG NGHIỆP TECTYL.